**1. Tính cấp thiết của đề tài**

Xã hội loài người đã đang trải qua những hình thái khác nhau. Ở mỗi giai đoạn phát triển của lịch sử loài người đều có những hiểu biết và cách giải thích các hiện tượng kinh tế xã hội nhất định. Việc giải thích các hiện tượng kinh tế xã hội ngày càng trở nên hết sức cần thiết. Đối với đời sống kinh tế xã hội loài người. Lúc đầu, việc giải thích các hiện tượng kinh tế xã hội bằng những hình thức tư tưởng kinh tế lẻ tẻ rời rạc, về sau mới trở thành những trường phái với những quan điểm kinh tế có tính hệ thống của những giai cấp khác nhau. Cho đến ngày nay, nhiều trường phái kinh tế học đã xuất hiện với những đại biểu đưa ra những quan điểm khác nhau để lý giải các hiện tượng kinh tế xã hội. Nhưng nhìn chung những lý giải này đều xoay quanh vai trò của nhà nước và thị trường ở mỗi xã hội, mỗi chế độ kinh tế, mỗi thời điểm, cũng như mỗi quốc gia. Mức độ này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như trình độ xã hội hoá của lực lượng sản xuất, lợi ích đòi hỏi của giai cấp thống trị,… Chính vì vậy việc xác định vai trò và mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế luôn chiếm một vị trí quan trọng trong các học thuyết kinh tế.

Việc nghiên cứu, phân tích lý luận về vai trò của nhà nước trong nền kinh tế, do đó có ý nghĩa rất lớn không chỉ về mặt học thuật mà cả về mặt thực tiễn. Nước ta đang trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa, với một điểm xuất phát rất thấp về kinh tế. Vai trò điều tiết hướng dẫn của nhà nước để nền kinh tế phát triển theo đúng quỹ đạo mong muốn là rất quan trọng và cần thiết. Nghiên cứu lý luận về vai trò nhà nước trong các học thuyết kinh tế cũng như sự vận dụng các lý luận này trong thực tiễn, sẽ giúp ta xác lập cơ sở cho vai trò và sự can thiệp của nhà nước đối với nền kinh tế Việt Nam. Nó cũng cung cấp cho ta một hệ thống các biện pháp, cơ chế chính sách, công cụ mà nhà nước sử dụng để điều tiết hướng dẫn nền kinh tế, khả năng vận dụng và thực tiễn ở Việt Nam đang vận dụng lí thuyết kinh tế nào.

Với những suy nghĩ trên nhóm 03 đã quyết đinh chọn đề tài tiểu luận môn học thuyết kinh tế  là: **“Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường qua các học thuyết kinh tế. Liên hệ thực tiễn Việt Nam hiện nay”.**

**2. Mục tiêu nghiên cứu (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)**

Mục tiêu của đề tài là làm sáng tỏ các vấn đề sau:

Hệ thống lý luận vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường qua các học thuyết trước Mác.

Phân tích vai trò của Nhà nước trong học thuyết kinh tế Mác – Lê nin và vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở nước ta giai đoạn hiện nay.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường qua các học thuyết kinh tế. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu ở đây là Nhà nước và các hoạt động kinh tế có liên quan chặt chẽ đến việc quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế.

**4. Kết quả nghiên cứu**

Thông qua việc nghiên cứu đề tài tiểu luận “Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường qua các học thuyết kinh tế” sẽ cho chúng ta thấy được một cái nhìn rõ hơn về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế ở mỗi xã hội, mỗi thời điểm cũng như mỗi quốc gia là không giống nhau. Qua đó, giúp ta định hướng và xác lập cơ sở cho vai trò và sự can thiệp của Nhà nước đối với nền kinh tế Việt Nam.

**CHƯƠNG I: VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG QUA CÁC HỌC THUYẾT TRƯỚC MÁC (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)**

**1.1. Vai trò của nhà nước trong nền KTTT thời kỳ cổ điển**

**1.1.1. Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế qua chủ nghĩa trọng thương**

**1.1.1.1.   Hoàn cảnh ra đời**

Chủ nghĩa trọng thương là hệ tư tưởng kinh tế đầu tiên của giai cấp tư sản, xuất hiện ở Tây Âu từ thế kỷ XV – thế khỷ XVII, đó là thời kỳ tan rã của chế độ phong kiến và là thời kỳ tích lũy nguyên thủy cho chủ nghĩa tư bản.

Trong thời kỳ này, giai cấp tư sản hình thành, vơi sự phát triển của kinh tế hàng hóa đã khiến nhu cầu tích lũy vốn ban đấu trở nên cấp bách hơn, thị trường tiêu thụ phải mở rộng hơn. Sự xuất hiện chủ nghĩa trọng thương gắn liền với những tiền đề lịch sử sau:

*Về chính trị – xã hội:*Chế độ quân chủ được củng cố, quyền hành được tập trung về trung ương. Xuất hiện khối liên minh của nhà nước phong kiến trung ương và tư bản thương nhân dựa vào nhau để tồn tại. Giai cấp phong kiến bắt đầu suy tàn, phân hóa rõ rệt. Trong xã hội vị thế của tầng lớp thương nhân tăng lên và sự phân hóa giàu nghèo trở nên sâu sắc.

*Về tư tưởng – văn hóa:* Đây là giai đoạn phát triển của khoa học đặc biệt là khoa học tự nhiên. Xuất hiện phong trào phục hưng (do giai cấp tư sản khởi xướng nhằm chống lại tư tưởng đen tối của phong kiến thời trung cổ, đề cao tư tưởng tự do nhân quyền, bình đẳng). Sự chuyển biến tâm lý và lối sống của người dân. Đặc biệt trong tôn giáo đã có sự cải cách đáng kể.

*Về kinh tế:*Vào thời điểm này hàng hóa ở Châu Âu phát triển mạnh. Thị trường dân tộc trong nước mở rộng xuất hiện các hoạt động giao thông quốc tế. Tiền tệ không chỉ được sử dụng làm phương tiện trung gian trong trao đổi hàng hóa mà tiền tệ còn sử dụng làm tư bản để sinh lợi một cách phổ biến. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

*Về quan điểm chính trị:*Có 2 quan điểm cơ bản.

* Củng cố nền độc lập và chủ quyền của từng quốc gia.
* Xem con người là một thực thể hay một công dân của quốc gia, đề cao cá tính và vai trò cá nhân.

**1.1.1.2.  Những luận điểm kinh tế cơ bản của Chủ nghĩa trọng thương**

*Luận điểm về tiền tệ:* Chủ nghĩa trọng thương đánh giá cao vai trò của tiền, tiền được coi là tiêu chuẩn căn bản của của cải, do đó mục đích chính trong chính sách kinh tế của mỗi nước là phải làm gia tăng khối lượng tiền tệ. Mỗi quốc gia càng có nhiều tiền (vàng) thì càng giàu có, còn hàng hóa chỉ là phương tiện để tăng thêm khối lượng tiền tệ.

*Luận điểm về ngoại thương:* Chủ nghĩa trọng thương đánh giá cao vai trò của thương mại đặc biệt là ngoại thương. Chủ nghĩa trọng thương xuất phát từ chỗ cho rằng tiền tệ (vàng bạc) chỉ có thể gia tăng qua các hoạt động thương nghiệp, cụ thể là ngoại thương. Ngoại thương đóng vai trò sinh tử đối với phát triển kinh tế của một quốc gia. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Chủ nghĩa trọng thương cho rằng:  Nội thương là hệ thống ống dẫn, ngoại thương là ống bơm. Muốn tăng của cải phải có ngoại thương nhập dẫn của cải qua nội thương. Khối lượng tiền tệ chỉ có thể tăng lên bằng con đường ngoại thương và ngoại thương phải thực hiện chính sách xuất siêu bằng cách hạn chế nhập khẩu và tăng cường xuất khẩu. Sự phồn thịnh của một quốc gia chính là nhờ thương nghiệp đặc biệt là ngoại thương chứ không phải do sản xuất (trừ việc khai thác vàng).

*Luận điểm về lợi nhuận:* Chủ nghĩa trọng thương cho rằng lợi nhuận là kết quả của sự tro đổi không ngang giá do lĩnh vực lưu thông mua bán, trao đổi sinh ra. Nó là kết quả việc mua ít bán nhiều, mua rẻ bán đắt. Họ coi thương nghiệp như là một sự lường gạt, cái được của người này là cái mất của người kia và tương tự như vậy là quan hệ thương mại giữa các quốc gia.

**1.1.1.3. Vai trò của Nhà nước trong Chủ nghĩa trọng thương**

Trong quan điểm ngoại thương, tính dân tộc thể hiện rất rõ. Các đại biểu của Chủ nghĩa trọng thương đều đòi hỏi nhà nước phải có các biện pháp nhằm bảo vệ thị trường nội địa tránh sự xâm nhập, cạnh tranh của hàng hóa nước ngoài; chủ trương tìm mọi cách để bảo vệ vàng bạc nước mình không chảy ra nước ngoài.

Xuất phát từ chỗ coi nguồn gốc của của cải được sinh ra trong lưu thông và luận điểm về ngoại thương phải thực hiện xuất siêu của mình, Chủ nghĩa trọng thương chủ trương xuất siêu với các mức độ khác nhau giữa các khuynh hướng của quốc gia trong những thời kỳ khác nhau. Để thực hiện xuất siêu thì phải phát triển công nghiệp. Nhập khẩu có thể giảm nếu từ bỏ việc tiêu dùng quá mức hàng nước ngoài. Chỉ nên nhập khẩu những hàng hóa mà trong nước không sản xuất được hay sản xuất được nhưng có chi phí quá lớn so với hàng ngoại cùng kiểu cách, chất lượng. Xuất khẩu phải chú ý đến những mặt hàng dư thừa trong nước và nhu cầu của nước quan hệ trong hoạt động ngoại thương. Do đó, Chủ nghĩa trọng thương ủng hộ chính sách thuế quan, chính sách bảo hộ mậu dịch có lợi cho những hoạt động ngoại thương của Nhà nước, cụ thể như:

* Thực hành chế độ thuế quan, bảo hộ nhằm kiểm soát nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu và bảo vệ hàng sản xuất trong nước, bảo hộ sự phát triển của các xí nghiệp công trường thủ công.
* Sử dụng công cụ luật pháp để ngăn cấm dòng tiền vàng chảy ra nước ngoài, quy định khi tàu buôn đi bán hàng ở nước ngoài thì chỉ được mang tiền về, không được mang hàng về; tàu của nước ngoài tới bán hàng thì không được mang tiền về mà phải mua hàng mang về… (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)
* Đưa ra những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho tư bản thương nghiệp hoạt động.

Một nền kinh tế chỉ có thể phát triển tốt đẹp nếu như có sự điều chỉnh và quản lý của nhà nước, khuyến khích sự độc quyền trong ngoại thương. Vai trò của nhà nước thông qua các chính sách kinh tế được Chủ nghĩa trọng thương đề cao và cho rằng: Một nền kinh tế chỉ có thể phát triển có hiệu quả nếu chịu sự chi phối, quản lý của nhà nước. Thương nhân cần dựa vào nhà nước và nhà nước phối hợp bảo vệ thương nhân.

**1.1.1.4. Nhận xét về lý luận kinh tế của Chủ nghĩa trọng thương và liên hệ thực tiễn ở Việt Nam**

*Những ưu điểm của Chủ nghĩa trọng thương:*Chủ nghĩa trọng thương đả phá mạnh mẽ hệ tư tưởng kinh tế phong kiến. Lần đầu tiên trong lịch sử, Chủ nghĩa trọng thương giúp mọi người thoát khỏi cách giải quyết các vấn đề kinh tế bằng các giáo lý đạo đức, các lý thuyết tôn giáo thần học.

Chủ nghĩa trọng thương đã đưa ra tuyên ngôn hướng vào việc phát triển hệ thống công trường thủ công và lần đầu tiên trong lịch sử thế giới đã cố gắng nhận thức CNTB, giải thích các quá trình kinh tế dưới góc độ lý luận dựa trên cơ sở các thành tựu khoa học.

*Tuy nhiên, bên cạnh nhưng ưu điển nêu trên, Chủ nghĩa trong thương vẫn gặp phải một số hạn chế sau:*Những vấn đề kinh tế mà Chủ nghĩa trọng thương đưa ra chỉ được lý giải một cách giản đơn, chỉ là sự mô tả các hiện tượng chưa đi sâu tìm hiểu bản chất bên trong của nó. Hệ thống các luận điểm kinh tế chủ yếu xuất phát từ kinh nghiệm thực tế.

Ví dụ: chỉ thấy vấn đề lưu thông, không thấy được sản xuất là gốc và cũng chưa thấy được mối liên hệ giữa sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu dùng. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Như vậy, mặc dù Chủ nghĩa trọng thương còn những hạn chế khó tránh được do điều kiện lịch sử khách quan cũng như chủ quan nhưng đã tạo những tiền đề lý luận kinh tế – xã hội cho kinh tế chính trị tư sản phát triển. Bởi lẽ Chủ nghĩa trọng thương đã cho rằng:  Sự giàu có không phải là ở giá trị sử dụng mà là ở giá trị (tiền); Mục đích của hoạt động kinh tế hàng hóa là lợi nhuận. Các chính sách thuế quan bảo hộ đã góp nhần thúc đẩy sự ra đời của CNTB.

Liên hệ với thực tiễn ở Việt Nam hiện nay, ta thấy: Những nghiên cứu về Chủ trọng thương vẫn còn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với chúng ta. Cụ thể: Trong quá trình thực hiện Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa của Việt Nam vấn đề tích lũy vốn, kêu gọi đầu tư từ nước ngoài là rất cần thiết để thúc đẩy nền công nghiệp trong nước phát triển. Hội nhập với thế giới để bắt kịp với xu hướng hiện đại hóa, toàn cầu hóa là bắt buộc do đó không thể phủ nhận vai trò quan trọng của ngoại thương trong thời đại ngày nay. Tuy nhiên, song song với  hội nhập, Nhà nước ta cần phải lưu ý đến vấn đề bảo hộ mậu dịch, các chính sách bảo vệ sản xuất trong nước, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và những vấn đề xã hội để Việt Nam hòa nhập chứ không hòa tan. Có thể nói việc nghiên cứu Chủ nghĩa trọng thương có ý nghĩa thời sự đáng được nghiên cứu và vận dụng đối với nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng XHCN như Việt Nam ta hiện nay.

**1.1.2. Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế qua Chủ nghĩa trọng nông**

**1.1.2.1. Hoàn cảnh ra đời**

Chủ nghĩa trọng nông hay trường phái trọng nông là một trong những trường phái kinh tế tiêu biểu, cho rằng nguồn gốc thuần túy của sự giàu có của mỗi quốc gia là từ sản xuất nông nghiệp hay các hình thức phát triển đất đai khác, đề cao vai trò của người nông dân và sản xuất nông nghiệp. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Chủ nghĩa trọng nông ra đời ở Pháp từ thế kỷ thứ 18 khi mà chủ nghĩa tư bản chưa giành được chính quyền nhưng sức mạnh kinh tế đã lan tỏa sâu rộng, đặc biệt là tư duy cách tân trong kinh doanh, đòi hỏi cần phải có lý luận kinh tế dẫn dắt cho lực lượng sản xuất phát triển. Về chính trị thì sự thống trị của giai cấp phong kiến tỏ ra ngày càng lỗi thời và mâu thuẫn sâu sắc với xu thế phát triển của chủ nghĩa tư bản. Bên cạnh đó, lý luận của chủ nghĩa trọng thương cho rằng nguồn gốc của sự giàu có là tiền, sự giàu có của các quốc gia dựa vào thương mại đã không còn phù hợp, và cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng mùa màng thất bát, nông nghiệp suy yếu ở Pháp. Do đó, cần đánh giá lại và có tư duy mới về phát triển kinh tế.

**1.1.2.2. Những luận điểm kinh tế cơ bản của Chủ nghĩa trọng nông**

Những quan điểm chính của chủ nghĩa trọng nông nêu bật tầm quan trọng của ngành nông nghiệp cũng như những nền tảng cơ bản về vai trò của sự tự do của con người, tự do trong cạnh tranh và buôn bán. Họ cho rằng nguồn gốc sản phẩm thuần túy là do lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tạo ra vì họ quan niệm đất đai là mẹ của của cải, gắn liền với trật tự tự nhiên, đó chính là ý đồ của đức chúa trời. Họ cho rằng ngành nông nghiệp tạo ra nông sản là lĩnh vực kinh tế duy nhất tạo ra của cải vật chất, còn lao động trong các ngành khác là lao động không có ích, không tạo ra sản phẩm thuần túy do đó không phải là lao động sản xuất.

Chủ nghĩa trọng nông cho rằng khối lượng nông sản mới là sự biểu hiện cho sự giàu có, làm cho của cải tăng thêm; thương mại chỉ là sự mua rẻ, bán đắt, không tạo thêm của cải, không dẫn đến sự giàu có. Chủ nghĩa trọng nông đã chuyển công tác nghiên cứu về nguồn gốc của giá trị thặng dư từ lĩnh vực lưu thông sang lĩnh vực sản xuất trực tiếp. Như vậy, họ đã đặt cơ sở cho việc phân tích nền tảng là lưu thông và thu nhập thuần túy chỉ được tạo ra ở lĩnh vực sản xuất. đây là cuộc cách mạng về tư tưởng kinh tế của nhân loại. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

**1.1.2.3. Vai trò của Nhà nước trong chủ nghĩa trọng nông**

Có thể thấy với những quan điểm về phát triển kinh tế dựa vào nông nghiệp và quan điểm tôn trọng những quy luật tự nhiên, đề cao vai trò của sự tự do của con người cho rằng quyền tự do của cá nhân là hợp với tự nhiên, cần phải có tự do kinh tế “tự do buôn bán, tự do hoạt động”. Nhà nước không được can thiệp trực tiếp vào các hoạt động kinh tế. Nhà nước chỉ đặt ra các điều luật cần thiết phù hợp với “quy luật tự nhiên” và do đó các chức năng của Nhà nước trong chủ nghĩa trọng nông mờ nhạt hơn rất nhiều so với chức năng của Nhà nước trong chủ nghĩa trọng thương.

Với đặc trưng này, vai trò của nhà nước trường phái trọng nông có hai nội dung chính:

Thứ nhất, do các nhà trọng nông là một trong những người đầu tiên đưa ra tư tưởng về tự do kinh doanh kêu gọi nhà nước tôn trọng nguyên tắc Laisser Faire. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Họ phê phán chủ nghĩa bảo hộ với sự can thiệp thô bạo của nhà nước vào nền kinh tế của chủ nghĩa trọng thương là không hiệu quả, không phù hợp với quy luật. Trong thuyết Trật tự tự nhiên, F. Quesney khẳng định con người phải sử dụng những của cải trong tự nhiên để sinh sống, đó là quy luật về tiêu thụ. Muốn có của cải, con người phải làm việc, đó là định luật về lao động. Sự lao động này chỉ có thể được thực hiện nếu con người được tự do hành động, tức là hành động về quyền tư hữu bản thân. Con người nhận được thành quả từ quá trình lao động của mình, đó là luật về quyền tư hữu động sản và chiếm đoạt các sản nghiệp. Quyền tư hữu sẽ được bảo vệ nhờ chức năng bảo đảm an ninh của nhà nước. “Tư hữu – An ninh – Tự do” là nền tảng của một trật tự xã hội đầy đủ. Chủ nghĩa trọng nông chủ trương tự do thương mại, tự do lưu thông. Họ đòi hỏi tự do hành động, chống lại “nhà nước toàn năng”, tính tự do của tư nhân không bị luật pháp và nghiệp đoàn làm cho suy yếu. Họ chủ trương bảo vệ tự do về giá cả nông nghiệp, tự do buôn bán các sản phẩm nông sản như lúa mỳ và ngũ cốc.

Thứ hai, mặc dù chủ trương tự do kinh doanh, chống lại sự can thiệp thô bạo của nhà nước vào nền kinh tế, nhưng các nhà kinh tế của chủ nghĩa trọng nông vẫn khẳng định vai trò của nhà nước trong việc tạo điều kiện và môi trường hỗ trợ cho sản xuất phát triển, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp như vai trò quản lý xã hội, đưa ra luật pháp, đảm bảo an ninh, quốc phòng…

Nhà nước phải có vai trò tối cao đứng trên tất cả mọi thành viên xã hội. Nhà nước có chức năng bảo vệ quyền sở hữu ruộng đất và không nên thu thuế quá nặng mà chỉ nên có một tỷ lệ tương ứng với thu nhập từ sản xuất nông nghiệp.

Quan niệm chỉ có sản xuất nông nghiệp mới là sản xuất ra hàng hóa của cải, chi phí nông nghiệp là chi phí sản xuất, chi phí sinh lời, do đó Nhà nước cần đầu tư tăng chi phí cho nông nghiệp. Trong nông nghiệp các địa chủ là tầng lớp kinh doanh mới, tiên tiến trong nông nghiệp theo hướng kinh doanh tư bản. Do đó, Nhà nước phải có chính sách ủng hộ họ, bảo vệ tài sản cho họ và khuyến khích họ phát triển như chính sách cho phép chủ trại được tự do lựa chọn ngành kinh doanh, lựa chọn súc vật chăn nuôi và có chính sách hỗ trợ về phân bón. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Nhà nước cần có các chính sách đầu tư cho đường sá, cầu cống, dựa vào vận tải đường thủy rẻ để chuyên chở sản phẩm và chống lại chính sách giá cả nông sản thấp để thu lợi trên lưng người nông dân.

Quan điểm về tài chính, đặc biệt là vấn đề thuế khóa, phân phối thu nhập…Nhà nước nên ưu đãi cho nông nghiệp, nông dân, chủ trại chứ không phải ưu đãi cho quý tộc, tăng lữ, nhà buôn.

**1.1.2.4. Nhận xét về lý luận kinh tế của Chủ nghĩa trọng nông và liên hệ thực tiễn ở Việt Nam**

Chủ nghĩa trọng nông đã làm rõ vai trò hỗ trợ của Nhà nước đối với nông nghiệp, mở đường cho nông nghiệp phát triển theo định hướng mới, kinh doanh theo kiểu kinh tế nông trại, chủ trại lớn chứ không kinh doanh theo kiểu khép kín, phát canh thu tô như địa chủ trước đây.

Lý luận về vai trò của nhà nước và  “trật tự tự nhiên” của chủ nghĩa trọng nông là mầm mống cho tư tưởng về tự do kinh doanh của các học thuyết kinh tế chính trị tư sản sau này. Những chính sách và biện pháp của Nhà nước nhằm hỗ trợ cho sản xuất phát triển mặc dù còn hạn chế là bó hẹp trong lĩnh vực nông nghiệp nhưng đã có những tác dụng tích cực mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, xác lập lối kinh doanh theo kiểu tư bản chủ nghĩa. Trong giai đoạn hiện nay, nó vẫn còn ý nghĩa thực tiến nhất định, đặc biết đối với các nước đang phát triển như Việt Nam (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Việt Nam là một đất nước có nền nông nghiệp lúa nước từ lâu đời với những ưu ái của tự nhiên về khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng,..Tuy nhiên, tập quán canh tác còn nhỏ lẻ, mang nặng tư tưởng tiểu nông, chưa áp dụng được những thành quả tiên tiến của khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất. Nền sản xuất của nước ta vẫn đang trong tình trạng lạc hậu, kém phát triển. Để hoàn thành mục tiêu xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cần phát triển toàn diện về công nghiệp, các ngành phụ trợ và nghiên cứu khoa học kỹ thuật ứng dụng. Tuy nhiên, với những lợi thế sẵn có cần phát triển một ngành nông nghiệp hàng hóa hiện đại, có thương hiệu, đảm bảo lợi ích cho người nông dân.

Các chính sách, biện pháp hỗ trợ để phát triển nông nghiệp của trọng nông hoàn toàn có thể được áp dụng có chọn lọc và điều chỉnh vào Việt Nam. Ví dụ, hiện nay chính phủ đang thực hiện chính sách miễn giảm thuế cho nông nghiệp, hỗ trợ tài chính cung cấp các đầu vào (giống, phân bón,..) cho nông nghiệp, góp phần tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế. Nhưng bên cạnh đó, sự phát triển của nông nghiệp tại Việt Nam vẫn còn rất nhiều vấn đề cần lưu tâm: thứ nhất, xu hướng tỷ giá cánh kéo giữa hàng nông sản phẩm và hàng công nghệ phẩm ngày càng dãn ra làm giảm sút thu nhập và mức sống của nông dân cả về tương đối và tuyệt đối, đang là một lực kéo rất lớn cản trở sự tăng trưởng của nền kinh tế. Thứ hai, cơ sở hạ tầng cho phát triển nông nghiệp còn rất yếu kém. Hệ thống thủy lợi, hệ thống đường sá, cầu cống phục vụ cho nông nghiệp vừa thiếu vừa yếu. Thứ ba, còn mang nặng đặc trưng của nền nông nghiệp truyền thống, dựa vào sức người là chính, sản xuất manh mún, nhỏ lẻ. Việc xây dựng một chiến lược phát triển dài hạn cho nông nghiệp cũng chưa được chú trọng…rõ ràng đây chính là những vấn đề mà các nhà trọng nông đã yêu cầu nhà nước cần có chính sách, biện phá khắc phục, tạo điều kiện hỗ trợ cho sự phát triển của nông nghiệp.

Ngoài ra, Nhà nước không nên hoàn toàn kiểm soát và can thiệp sâu vào nền kinh tế theo như tư tưởng của Chủ nghĩa trọng thương và cũng không nên thả nổi hoàn toàn nền kinh tế theo như tư tưởng tự nhiên (Laisser faire) của Chủ nghĩa trọng nông mà cần có sự kết hợp những ưu điểm của từng trường phái này để có sự quản lý nền kinh tế tối ưu nhất và có những can thiệp chính xác, đúng lúc, hợp lý vào nền kinh tế để phát triển nhanh, bền vững.

**1.2. Vai trò của Nhà nước trong nền KTTT qua các học thuyết tân cổ điển (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)**

**1.2.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm chính của học thuyết tân cổ điển**

**1.2.1.1. Hoàn cảnh ra đời**

Cuối TK XIX đầu TK XX, nền kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa gặp nhiều khó khăn, thất nghiệp gia tăng làm cho mâu thuẫn xã hội gia tăng.

Nhịp độ chuyển mạnh từ CNTB cạnh tranh tự do sang CNTB độc quyền, do đó có sự phân tich mới. Những mâu thuẫn vốn có và những khó khăn về kinh tế của CNTB ngày càng trở nên trầm trọng. Các cuộc khủng hoảng kinh tế xuất hiện ngày càng thường xuyên hơn, làm trầm trọng thêm những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản, đồng thời làm xuất hiện nhiều hiện tượng và mâu thuẫn kinh tế mới.

**1.2.1.2.  Đặc điểm**

* Dựa vào tâm lý chủ quan để giải các hiện tượng kinh tế – xã hội.
* Chuyển sự chú ý phân tích kinh tế sang lĩnh vực lưu thông, trao đổi và nhu cầu quy mô.
* Đối tượng nghiên cứu là các đơn vị kinh tế cá biệt, tức phương pháp phân tích quy mô.
* Muốn tách rời kinh tế khỏi chính trị, tức xây dựng lý luận kinh tế thuần túy.
* Tích cực áp dụng các phương pháp tự nhiên trong nghiên cứu kinh tế như: công thức, đồ thị, quy hình toán học vào phân tích kinh tế. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

**1.2.2. Một số lý thuyết chủ yếu của trường phái tân cổ điển**

* Lý thuyết kinh tế chủ yếu của trường phái “biên tế” thành Viene (Áo). Trường phái này có các lý thuyết nổi tiếng:
* Lý thuyết lợi thế biên tế
* Lý thuyết giá trị biên tế
* Lý thuyết biên tế ở Mỹ của John Clark, giáo sư đại học tổng hợp Colombia. Trường phái này có các lý thuyết nổi tiếng:
* Lý thuyết năng suất biên tế
* Lý thuyết phân phối
* Trường phái thành Lausanne (Thụy Sỹ), đại biểu xuất sắc là Leon Walras. Trường phái này có các lý thuyết nổi tiếng:
* Lý thuyết cân bằng tổng quát: Theo ông, điều kiện tất yếu để có cân bằng tổng quát là sự cân bằng giữa giá cả hàng hóa và chi phí sản xuất.
* Sự cân bằng của nền kinh tế được thực hiện qua sự dao động của cung cầu.
* Trường phái Cambridge (Anh). Người đứng đầu trường phái này là Alfred Marshall. Ông là giáo sư trường đại học tổng hợp Cambridge. Lý thuyết chủ yếu của ông là lý thuyết giá cả, ông đã đưa ra khái niệm về “sự co dãn của cầu phụ thuộc vào giá cả”; lý thuyết là sự tổng hợp các lý thuyết chi phí sản xuất, cung cầu và lợi ích biên tế.

**1.2.3. Vai trò của Nhà nước trong nền KTTT qua học thuyết tân cổ điển**

Cũng giống như các nhà kinh tế Cổ điển, trường phái Tân cổ điển không xem xét vai trò của nhà nước một cách biệt lập mà đặt nó trong một hệ thống lý thuyết chung. Họ đưa ra một quan niệm tổng quát về nền kinh tế thị trường để từ đó đánh giá vai trò của nhà nước, phân biệt rõ chỗ nào để thị trường hoạt động, chỗ nào cần nhà nước can thiệp. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Theo phái Tân cổ điển, nền kinh tế thị trường là một hệ thống mang tính ổn định, mà sự ổn định bên trong là thuộc tính vốn có chứ không phải là kết quả sự sắp đặt của nhà nước. Khả năng đó được quyết định bởi một cơ chế đặc biệt – “cơ chế cạnh tranh tự do.” Cạnh tranh tự do thường xuyên bảo đảm sự cân bằng chung của nền kinh tế. Chính cơ chế này cho phép phân bổ các nguồn lực một cách hợp lý, tận dụng triệt để mọi nguồn lực và dẫn đến quan hệ phân phối mang tính công bằng giữa các bộ phận xã hội. Công bằng ở đây theo nghĩa, những bộ phận nào có khả năng thích ứng tốt nhất với những diễn biến và những nhu cầu thị trường thì sẽ có thu nhập và thu nhập chính đáng. Nếu như trên thực tế xảy ra những hiện tượng không bình thường thì phải tìm nguyên nhân của những hiện tượng đó từ chính sách can thiệp của nhà nước.

Theo quan niệm phổ biến của phái Tân cổ điển, để lựa chọn được cách can thiệp hợp lý, nhà nước phải hiểu được cấu trúc của nền kinh tế thị trường, cơ chế vận hành của nó và tôn trọng những quy luật khách quan liên quan đến cung – cầu. Muốn xác định chính xác ngưỡng can thiệp thì phải hiểu những nhân tố ảnh hưởng tới cung – cầu và những điều kiện cho sự cân bằng cung và cầu. Cũng theo các nhà kinh tế Tân cổ điển, cạnh tranh tự do không bao giờ nảy sinh một cách tự nhiên, nó chỉ xuất hiện và phát huy tác dụng khi được đảm bảo bởi nguyên tắc số một: sở hữu tư nhân. Đây là cơ sở để nền kinh tế thị trường thích ứng với mọi sự thay đổi của giá cả. Chính chế độ sở hữu tư nhân là nhân tố cơ bản làm cho nền kinh tế thị trường luôn khôi phục được sự cân bằng chung. Do vậy, khi nhà nước thu hẹp không gian kinh tế của khu vực tư nhân chắc chắn dẫn tới sự bất ổn. Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, quyền tự do kinh doanh của các nhà sản xuất và quyền tự do lựa chọn của người tiêu dùng là những lực lượng chế ngự, chi phối; chế độ tư hữu là cơ sở bảo đảm cho sự hòa hợp tự nhiên, do vậy không cần sự điều chỉnh nào của chính phủ hay các cơ quan điều tiết khác. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Với những quan niệm trên đây, trường phái Tân cổ điển khuyến nghị nhà nước nên dừng ở những chức năng chính là:

– Duy trì ổn định chính trị;

– Tạo môi trường pháp luật ổn định và chính sách thuế khóa hợp lý, khuyến khích người tiêu dùng;

– Sử dụng hợp lý ngân sách quốc gia, hướng chi tiêu ngân sách cho mục tiêu phát triển kinh tế như đào tạo nhân lực, nghiên cứu cơ bản để đổi mới công nghệ, hỗ trợ cho những ngành sản xuất có triển vọng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới… Ngoài những chức năng cơ bản đó, nhà nước không nên can thiệp gì thêm, hãy để cho giới kinh doanh và người tiêu dùng quyết định những vấn đề còn lại.

Do học thuyết tư sản kinh tế đã bộc lộ ra những khuyết điểm không thể lý giải được những vấn đề mới phát sinh, không bảo vệ lợi ích của chủ nghĩa tư bản, và sự can thiệp sâu của Nhà nước vào nền kinh tế đã gây nhiều vấn đề phức tạp.

Từ đó đòi hỏi phải có những lý thuyết kinh tế mới – học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển ra đời.

Lúc đầu do đối tượng nghiên cứu của các đơn vị kinh tế, trường phái tân cổ điển nghiên cứu kinh tế học thuần túy không có quan hệ với các điều kiện kinh tế chính trị – xã hội, ủng hộ tư tưởng tự do kinh tế và chống lại sự can thiệp của Nhà nước. Họ tin tưởng rằng, kinh tế thị trường tự do sẽ xác lập sự cân bằng cung – cầu và đảm bảo cho nền kinh tế phát triển một cách bình thường, tránh được khủng hoảng kinh tế. Tuy nhiên, về sau khi đối tượng nghiên cứu được mở rộng họ đã chú ý phân tích kinh tế vĩ mô và đề cập Nhà nước cần phải can thiệp vào việc điều tiết các hoạt động kinh tế ở mức độ nhất định. Một số trường phái tiêu biểu thời kỳ này: (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

* Trường phái thành Vienna (Áo)
* Đề cao yếu tố con người cho rằng mọi sự kiện kinh tế đều phải được xem là những sự kiện thuộc về con người, do con người đốn vai trò chủ động. Nghĩa là yếu tố tâm lý chủ quan của con người đóng vai trò quyết định giá trị trao đổi.
* Cho rằng sự phân phối lợi tức thu nhập không lệ thuộc vào một thể chế xã hội nào hết mà là kết quả của những định luật tự nhiên.
* Trường phái Colombia (Mỹ)
* Đưa ra học thuyết phân phối tiền lương, lợi nhuận địa tô: Trong xã hội tư bản không hề có bóc lột vì các nhân tố tham gia sản xuất đã nhận được phần thu nhập tương ứng.
* Trường phái Lausane (Thụy Sỹ*)*
* Trong nền kinh tế tự do cạnh tranh, trạng thái cân bằng giữa giá cả hàng hóa và chi phí sản xuất sẽ được thực hiện thông qua sự dao động giữa cung và cầu.

**1.3. Vai trò của Nhà nước trong nền KTTT qua học thuyết cận biên**

**1.3.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm chính của học thuyết cận biên**

Trường phái cận biên được khởi đầu bằng cuộc cách mạng biên tế năm 1870, do một số tác gia cùng nghiên cứu về cận biên, cùng xảy ra ở những nước khác nhau. Điển hình như William Jevons nghiên cứu ở Anh, Carl Menger ở Áo và Leon Walras ở Thụy Sỹ. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Trường phái cận biên đưa ra một phương pháp phân tích kinh tế hoàn toàn mới, họ dựa vào khái niệm cận biên để giải thích tất cả các hình thái hinh tế. Họ đi vào phân tích hành vi của các doanh nghiệp riêng lẻ, của những người tiêu dùng riêng lẻ, của những sản phẩm riêng lẻ, của những giá cả riêng lẻ và của những thị trường riêng lẻ thông qua các học thuyết cận biên.

Trường phái cận biên chối bỏ lý thuyết “giá trị lao động” cũng như không đồng tình với chủ nghĩ Mác, vì Mác cho rằng giá trị do giá trị lao động mang lại. Họ tập trung lên khái niệm cận biên để giải thích tất cả các hiện tượng kinh tế và tập trung vào khảo hướng vi mô.

Sự phân tích của trường phái này dựa vào tâm lý chủ quan của con người. Họ cho rằng con người có thể nhận thức được sở thích của mình và sở thích của con người có khả năng chuyển hóa, tất cả sản phẩm đều tốt và con người thích tiêu dùng nhiều sản phẩm hơn là ít sản phẩm. Trường phái biên tế ủng hộ thị trường tự do và phủ nhận vai trò can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế.

**1.3.2. Một số học thuyết cận biên chủ yếu của trường phái cận biên**

* Quy luật lợi ích cận biên giảm dần và định luật cân bằng lợi ích cận biên của Gossen.
* Học thuyết kinh tế ở Anh của William Jevons
* Học thuyết của các trường phái cận biên Áo, với các đại diện tiêu biểu là Carl Menger, Friedrich von Wieser, Eugen von Bohm – Bawerk. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)
* Học thuyết cận biên ở Mỹ của John Bates Clark như lý thuyết về năng suất biên tế, lý thuyết phân phối
* Học thuyết của trường phái thành Lausanne (Thụy Sĩ) với các đại diện là Leon Walras, Vilfredo Pareto.

Với nhiều tác gia từ các quốc gia khác nhau, nhưng nhìn chung nội dung chính của trường phái cận biên là “ lợi ích biên tế giảm dần” tức khi con người gia tăng số lượng sản phẩm tiêu dùng thì lợi ích biên của sản phẩm sẽ ngày càng giảm.

**1.3.3. Vai trò của Nhà nước trong nền KTTT qua học thuyết cận biên**

Trường phái cận biên giả định nền kinh tế trong tình trạng cạnh tranh nên họ quan niệm rằng nhà nước tuyết nhiên không được can thiệp vào nền kinh tế, để cho nền kinh tế tự do hoạt động, vận hành. Nhà nước chỉ còn lại các chức năng tối thiểu là hành chính, lập pháp, quốc phòng…

Họ đề cao tính chủ quan và tâm lý của con người trong việc chi tiêu, cá nhân ý thức được nhu cầu của mình và biết rõ cách thức để thỏa mãn nhu cầu vì vậy nếu như biết suy luận,tính toán thì cá nhân sẽ sắp xếp nhu cầu theo một trật tự nhất định. Trật tự này hoặc là căn cứ vào cường độ của nhu cầu hoặc là căn cứ vào ý muốn của cá nhân cho thấy đc nhu cầu nào là cấp thiết và mức độ cấp thiết của từng nhu cầu, để từ đó con người có kế hoạch chi tiêu thích hợp.

Trường phái cận biên xem xét kinh tế trong điều kiện cạnh tranh thuần túy không có sự quan hệ nào với các điệu kiện kinh tế xã hội, cùng với vai trò chủ quyết của cá nhân con người sẽ xác lập sự cân bằng cung- cầu, tạo nên kinh tế thị trường tự do, từ đó đảm bảo cho nền kinh tế phát triển một cách bình thường và tránh được khủng hoảng.

Như vậy, các học thuyết cận biên đã chỉ ra được vai trò của quan hệ cung cầu, lợi ích biên tế và chi tiêu của cá nhân trong nền kinh tế, từ đó giúp giải thích được các hiện tượng kinh tế mà các học thuyết trước đó chưa làm được, chẳng hạn như “ Tại sao nước rất cần thiết cho đời sống nhưng giá lại rẻ, trong khi kim cương không cần thiết lắm nhưng giá lại rất đắt?”. Tuy nhiên, trường phái cận biên lại chưa nhận thức được tầm quan trọng của nhà nước trong việc điều hành hoạt động kinh tế, đây cũng là mặt hạn chế của họ.

**1.4. Vai trò của Nhà nước – bàn tay hữu hình trong lý thuyết kinh tế của Keynes (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)**

John Maynard Keynes (1883-1946), sinh tại Anh. Ông là một chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, tín dụng và lưu thông tiền tệ. Ông từng làm cố vấn cho chính phủ Anh về ngân khố quốc gia và là chủ bút tạp chí “ Nhà kinh tế”. Ông viết nhiều tác phẩm, trong đó nổi tiếng nhất là tác phẩm “ Học thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ ” (1936). Các tác phẩm của ông đã góp phần làm phong phú thêm lý thuyết kinh tế học và là cơ sở cho các chính sách kinh tế nhằm điều tiết nền kinh tế của nhiều chính phủ.

Học thuyết kinh tế của Kynes ra đời trong hoàn cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 – 1933) đã làm phá sản học thuyết tự điều chỉnh kinh tế của trường phái cổ điển và tân cổ điển. Ông đề cao vai trò của nhà nước trong việc điều tiết nền kinh tế. Theo ông, cần phải có sự tác động điều tiết của nhà nước để kích thích tổng cầu của nền kinh tế bằng nhiều cách : tác động tăng nhu cầu nhà nước; tăng nhu cầu đầu tư nhà nước để tạo công ăn việc làm cho khu vực công cộng nhằm cải thiện phúc lợi xã hội; in thêm tiền cho lưu thông để hạ lãi suất nhằm khuyến khích đầu tư tư nhân; tạo ra lạm phát có mức độ để kích thích tiêu dùng….

Ông chỉ ra rằng, tổng cầu bao gồm cầu tiêu dùng và cầu đầu tư. Do tác động của khuynh hướng tiêu dùng giới hạn nên tiêu dùng tăng chậm hơn thu nhập, làm cho tiêu dùng giảm tương đối. Mặt khác, hiệu quả giới hạn của tư bản giảm gây mất lòng tin của doanh nghiệp vào thu nhập tương lai, do vậy, họ từ bỏ việc đầu tư, làm khả năng thu hút việc làm giảm, dẫn tới tỷ lệ thất nghiệp tăng. Ngoài ra cầu đầu tư còn phụ thuộc vào sự biến động của lãi suất, khối lượng tiền tệ lưu thông. Tất cả các yếu tố này ảnh hưởng tới tổng cầu , từ đó ảnh hưởng tới việc làm. Do vậy, để hạn chế thất nghiệp phải tác động tới tổng cầu, điều này cần tới “ bàn tay” của nhà nước, không thể phó mặc cho thị trường. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Kynes đã đưa ra các biện pháp, chính sách điều chỉnh tổng cầu như sau:

* Đối với cầu đầu tư : nhà nước cần tăng thêm các đơn đặt hàng đối với các công ty, đặc biệt là công ty xây dựng kết cấu hạ tầng nhằm tăng tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất và cầu lao động để tăng việc làm

Đối với các doanh nghiệp lớn, nhà nước cần giảm lãi suất, thực hiện ưu đãi tín dụng, giảm thuế nhằm khuyến khích đầu tư.

Thực hiện “lạm phát có mức độ nhằm kích thích thị trường nhưng không nguy hiểm: Giảm lãi suất và tăng thêm lượng tiền vào lưu thông. Khi nền kinh tế đạt tới trạng thái cân bằng với mức sản lượng và việc làm cao hơn thì lạm phát sẽ tự động dừng lại.

Tăng thuế để điều tiết một phần thu nhập trong dân cư đưa vào ngân sách tạo điều kiện tăng chi cho mục đích đầu tư, mở rộng , khuyến khích các hình thức đầu tư nhằm giải quyết nạn thất nghiệp.

* Đối với cầu tiêu dùng: ông cho rằng nên thực hiện các biện pháp khuyến khích tiêu dùng cá nhân, đặc biệt là tiêu dùng của tầng lớp giàu có, quân sự hóa nền kinh tế. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Học thuyết bàn tay hữu hình của Kynes có một ý nghĩa nhất định đối với việc vạch ra chính sách kích cầu nhằm kích thích nền kinh tế tăng trưởng. Đầu tiên, việc tạo thêm công ăn việc làm cho người dân giúp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, kinh tế, xã hội. Thứ hai, việc đầu tư phát triển các cơ sở hạ tầng  cũng tạo việc làm, tạo điều kiện cho lưu thông trao đổi hàng hóa, tạo điều kiện cải thiện đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần cho dân cư. Thứ ba, việc mở rộng đẩu tư thu hút lao động, mở rộng thị trường cho các doanh nghiệp. Thứ tư, chính sách tiền tệ mở rộng nhằm giảm lãi suất kích thích đẩu tư và tiêu dùng.

Tuy nhiên, học thuyết này còn một số hạn chế: việc gia tăng tổng cầu trong nền kinh tế ở mức sản lượng tiềm năng có thể gây ra việc tăng giá dẫn tới lạm phát. Ngoài ra, thực tế khó tính toán một cách chính xác liều lượng của việc tăng giàm chi tiêu, thuế khóa. Việc giảm lãi suất để kích thích đầu tư dẫn đến hiện tượng rút vốn đầu tư ở một nước để đầu tư vào những nước có lãi suất cao hơn làm cho đầu tư trong nước không tăng mà lại sụt giảm và ngược lại.

**1.5. Vai trò của Nhà nước trong nền KTTT qua lý thuyết kinh tế hỗn hợp**

**1.5.1. Khái niệm lý thuyết kinh tế hỗn hợp**

“Nền kinh tế hỗn hợp” là nền kinh tế kết hợp kinh tế tư nhân và kinh tế Nhà nước, nó được điều hành bởi cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

**1.5.2. Nội dung lý thuyết kinh tế hỗn hợp**

Trường phái kinh tế hỗn hợp là sự kết hợp chung lại của các trường phái  Keynes, trường phái cổ điển và một số trường phái khác để đưa ra lý luận chung gọi là nền kinh tế hỗn hợp, tác giả tiêu biểu là P.A.Samuelson. Lý thuyết kinh tế của trường phái này có sự kế thừa, vận dụng và phát triển các lí thuyết kinh tế của nhiều trường phái trong lịch sử.

Samuelson chủ trương phát triển kinh tế dựa vào nguyên lý “hai bàn tay” tức là cơ chế thị trường tự do với các quy luật vốn có của nó và sự can thiệp của Chính phủ. Theo Samuelson, cơ chế thị trường và Chính phủ đều đóng vai trò quan trọng đối với nền kinh tế. Dựa vào cơ chế thị trường có nghĩa là dựa vào bộ máy tự hoạt động của cung cầu, giá cả với môi trường cạnh tranh, lợi nhuận và các quy luật vận hành khách quan. Nhưng thực tế kinh tế thị trường vẫn có những khuyết tật, vẫn còn nhiều vấn đề mà tự nó không thể giải quyết được. Chính vì vậy Nhà nước phải can thiệp vào kinh tế thông qua việc thiết lập pháp luật, xác định chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, tác động vào việc phân bố tài nguyên, tác động vào việc phân bố thu nhập, qua đó đảm bảo hiệu quả, công bằng và ổn định trong phát triển kinh tế. Nhà nước phải can thiệp vào kinh tế để ngăn chặn khủng hoảng, thất nghiệp tạo việc làm đầy đủ, nhưng đồng thời phải giữ trong khuôn khổ khôn ngoan của cạnh tranh. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Mô hình kinh tế áp dụng lý thuyết kinh tế hỗn hợp đòi hỏi sự thận trọng, sáng suốt của Chính phủ để đạt được tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và độc lập tự chủ. Tuy nhiên mô hình kinh tế hỗn hợp không phải áp dụng được cho tất cả các quốc gia, tại tất cả các thời điểm mà tuỳ từng điều kiện, thời điểm, khả năng và nguồn lực của mình, các nước có thể tiếp thu các nhân tố hợp lý để đề ra phương hướng, chính sách, giải pháp phù hợp đảm bảo tốc độ phát triển cao và bền vững.

**1.5.3. Vai trò của Nhà nước trong nền KTTT qua lý thuyết kinh tế hỗn hợp**

Theo lý thuyết kinh tế hỗn hợp, Nhà nước có bốn vai trò chính trong nền kinh tế thị trường như sau:

* Thiết lập khuôn khổ pháp luật:

Chức năng đầu tiên và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường là thiết lập khuôn khổ pháp luật. Chính phủ cần phải xây dựng một hành lang pháp lý, tạo môi trường thuận lợi cho các đơn vị sản xuất kinh doanh, ngay cả người tiêu dùng và Chính phủ cũng phải tuân theo quy tắc này. Nó bao gồm các quy định, chế tài cho quá trình sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ… và các ngành kinh tế khác. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

* Đảm bảo tính hiệu quả của các hoạt động kinh tế:
* Hạn chế độc quyền, đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động cạnh tranh. Đảm bảo cho thị trường duy trì ở mức cạnh tranh hoàn hảo – thị trường có đủ số lượng doanh nghiệp hoặc không doanh nghiệp nào có thể ảnh hưởng tới giá cả hàng hóa. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn vấn đề cạnh tranh không hoàn hảo hay độc quyền trong nền kinh tế – một vài doanh nghiệp có khả năng tác động đến giả cả hàng hóa trong thị trường. Khi tình trạng cạnh tranh không hoàn hảo hay độc quyền xảy ra, giá cả hàng hóa trong thị trường sẽ bị bóp méo, thị trường không phản ánh được cung, cầu vốn có của nó.
* Ngăn ngừa và khắc phục các hoạt động tiêu cực từ bên ngoài: khi một doanh nghiệp hay một cá nhân có tác động tới một doanh nghiệp hay một cá nhân khác tạo ra lợi ích hoặc chi phí mà doanh nghiệp hay cá nhân đó không đáng được hưởng. Chính phủ cần sử dụng luật pháp điều hành nhằm ngăn ngừa và khắc phục các hoạt động tiêu cực đó.
* Sản xuất các loại hàng hóa công cộng: hàng hóa công cộng có những đặc thù riêng như: ích lợi của hàng hóa công cộng đối với xã hội và tư nhân là khác nhau. Đối với xã hội, hàng hóa công cộng có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Tuy nhiên đối với tư nhân thì sản xuất hàng hoá công cộng mang lại ít lợi nhuận. Ngoài ra còn có những hàng hóa công cộng liên quan đến các lĩnh vực quốc gia như quân sự, quốc phòng… vì vậy, để đảm bảo an toàn cũng như ổn định thì việc sản xuất cũng như quản lý các loại hàng hóa này không thể giao cho các doanh nghiệp tư nhân.
* Thuế: để duy trì hoạt động, nguồn thu quan trọng và chủ yếu nhất của Chính phủ là từ thuế. Chính phủ phải ban hành và duy trì một chính sách thuế công bằng và phù hợp với người tiêu dùng cũng như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. Thông qua thuế, Nhà nước sẽ điều tiết được tiêu dùng và đầu tư.
* Đảm bảo sự công bằng: Tuy nền kinh tế thị trường có những ưu điểm vượt trội nhưng nó vẫn có thể gây ra tình trạng mất bình đẳng trong xã hội do chênh lệch về thu nhập. Chính vì vậy, Nhà nước cần có các chính sách nhằm phân phối lại thu nhập. Các công cụ giúp Nhà nước phân phối lại thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội bao gồm:
* Thuế thu nhập: tùy thuộc vào thu nhập của cá nhân hay từng doanh nghiệp mà có mức thuế thu nhập khác nhau. Thuế thu nhập thường áp dụng thời điểm hiện tại là thuế thu nhập lũy tiến, đánh vào người có thu nhập cao nhiều hơn người có thu nhập thấp. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)
* Bảo hiểm xã hội: dựa vào nguyên tắc chia sẻ rủi ro, Chính phủ thiết lập các chính sách bảo hiểm xã hội như bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi trả lương hưu…
* Phúc lợi xã hội: trợ cấp cho những người có điều kiện khó khăn, cho những gia đình có công với đất nước…
* Ổn định kinh tế vĩ mô:

Sự phát triển kinh tế thị trường luôn đi kèm theo các vấn đề tất yếu như lạm phát, thất nghiệp. Theo nghiên cứu của các nhà kinh tế học, nền kinh tế một quốc gia, trong dài hạn, không thể duy trì đồng thời ba yếu tố: kinh doanh tự do, tỷ lệ lạm phát thấp, tỷ lệ thất nghiệp thấp (bộ ba bất khả thi). Tuy nhiên, để duy trì các tỷ lệ này sao cho phù hợp và có lợi cho nền kinh tế nhất, Chính phủ có thể sử dụng một cách thận trọng quyền lực về chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa.

* Chính sách tiền tệ: được Ngân hàng trung ương sử dụng để điều tiết thị trường tài chính, mà trọng tâm là thực hiện mục tiêu kiểm soát lạm phát ổn định giá cả. Các công cụ mà Nhà nước thường sử dụng để thực hiện chính sách tiền tệ bao gồm:
* Công cụ tái cấp vốn: là hình thức cấp tín dụng của Ngân hàng Trung ương đối với các Ngân hàng thương mại.
* Công cụ tỷ lệ dự trữ bắt buộc: là tỷ lệ giữa số tiền cần giữ lại để dự trữ, giảm thiểu rủi ro thanh toán trên tổng số tiền gửi huy động.
* Công cụ nghiệp vụ thị trường mở: là hoạt động Ngân hàng Trung ương mua bán giấy tờ có giá ngắn hạn trên thị trường tiền tệ.
* Công cụ lãi suất tín dụng: đây được xem là công cụ gián tiếp trong thực hiện chính sách tiền tệ vì sự thay đổi lãi suất không trực tiếp làm tăng thêm hay giảm bớt lượng tiền trong lưu thông, nhưng vẫn có thể làm kích thích hay kìm hãm sản xuất. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)
* Công cụ hạn mức tín dụng: là một công cụ can thiệp trực tiếp mang tính hành chính của Ngân hàng Trung ương để khống chế mức tăng khối lượng tín dụng của các tổ chức tín dụng.
* Tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái là công cụ, là đòn bẩy điều tiết cung cầu ngoại tệ, tác động mạnh đến xuất nhập khẩu và hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước. Chính sách tỷ giá tác động một cách nhạy bén đến tình hình sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa, tình trạng tài chính, tiền tệ, cán cân thanh toán quốc tế, thu hút vốn dầu tư, dự trữ của đất nước.
* Chính sách tài khóa: Đây là những chính sách quan trọng nhất vì nó không chỉ tác động đến tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế mà còn có ý nghĩa dẫn dắt, định hướng thị trường. Chính sách tài khóa thường rất linh hoạt để điều chỉnh kịp thời các mục tiêu kinh tế vĩ mô. Các công cụ mà Nhà nước thường sử dụng để thực hiện chính sách tài khóa bao gồm:
* Thuế: Thông qua chính sách thuế, Nhà nước có thể điều tiết được chi tiêu, cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư; khuyến khích hoặc hạn chế các hoạt động kinh doanh. Một chính sách thuế phù hợp có thể tác động tích cực đến nền kinh tế, phân bổ lại thu nhập cũng như các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, một chính sách thuế không phù hợp sẽ kìm hãm nền kinh tế, gây bất bình trong xã hội.
* Chi tiêu của Chính phủ: Thông qua chi tiêu, Nhà nước có thể điều tiết được hoạt động của thị trường kinh tế. Để khuyến khích phát triển một ngành nghề kinh tế, Nhà nước có thể thúc đẩy, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong ngành…

**Kết luận:** Bản chất của lý thuyết kinh tế hỗn hợp là nền kinh tế được điều hành bởi cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Cơ chế thị trường giúp xác định giá cả và sản lượng. Trong khi đó, Chính phủ thông qua các chính sách của mình giúp nền kinh tế có định hướng, phát triển ổn định và đảm bảo công bằng xã hội. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, sự can thiệp của Nhà nước cũng có những hạn chế (như sai lầm trong định hướng, hoạt động kém hiệu quả, hiện tượng tham nhũng…) dẫn đến việc đưa ra những quyết định sai lầm, không phù hợp với quy luật khách quan, không phản ánh đúng sự vận động của thị trường. Vì vậy theo Samuelson, sự can thiệp của Nhà nước chỉ nên giới hạn “trong khuôn khổ khôn ngoan của cạnh tranh”.

**CHƯƠNG II: VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG HỌC THUYẾT KINH TẾ MÁC- LÊ NIN VÀ VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KTTT Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**2.1. Lý luận về vai trò của Nhà nước qua học thuyết kinh tế Mác – Lê Nin (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)**

Bất cứ nhà nước nào cũng có vai trò kinh tế, song ở một chế độ xã hội nhất định, vai trò kinh tế của nhà nước có biểu hiện thích hợp với chế độ xã hội đó.

Các nhà nước trước chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, vai trò kinh tế chỉ dừng lại ở việc điều tiết bằng thuế và luật pháp là chủ yếu. Ở đây nhà nước chưa ở bên trong quá trình sản xuất, mà ở bên ngoài bên ngoài, bên trên theo cách nói của Ăngghen.

Đến chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, với sự xuất hiện của khu vực sở hữu nhà nước, làm cho nhà nước tư bản bắt đầu có vai trò kinh tế mới. Nhà nước tư sản ngoài việc can thiệp điều tiết nền sản xuất xã hội thông qua thuế và luật pháp, còn có vai trò tổ chức quản lý các xí nghiệp thuộc kinh tế nhà nước.

Chỉ đến nhà nước xã hội chủ nghĩa – Nhà nước của dân, do dân và vì dân, mới xuất hiện vai trò kinh tế đặc biệt và mới mẻ trong lịch sử phát triển phát triển nhà nước xét theo khía cạnh kinh tế. Nói một cách chính xác hơn, vai trò kinh tế này đã có mầm mống từ tư bản độc quyền nhà nước, đến nhà nước xã hội chủ nghĩa nó được hoàn thiện hơn, điểm mới được quyết định ở đây là sự khác nhau của tính chất nhà nước.

Vai trò kinh tế đó là *tổ chức và quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân ở tầm kinh tế vĩ mô lẫn tầm kinh tế vi mô, trong đó, quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước là chủ yếu. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)*

Sở dĩ nhà nước có vai trò kinh tế nói trên vì : *Một là,* nhà nước với tư cách là người đại diện cho nhân dân, cho toàn xã hội, có nhiệm vụ quản lý đất nước về mặt hành chính – kinh tế; *Hai là*, nhà nước là người đại diện cho sở hữu toàn dân về tư liệu sản xuất, có nhiệm vụ quản lý các xí nghiệp thuộc khu vực kinh tế nhà nước; *Ba là,* trong nền kinh tế hàng hoá vận động theo cơ chế thị trường, bên cạnh mặt tích cực chủ yếu của nó, không tránh khỏi những khuyết tật vốn có: thất nghiệp, phá sản, khủng hoảng, lạm phát…, vai trò quản lý của nhà nước sẽ góp phần vào việc khắc phục những khuyết tật, phát huy mặt tích cực của kinh tế hàng hoá là một tất yếu khách quan.

Nhà nước thực hiện vai trò kinh tế nói trên thông qua hai loại chức năng kinh tế sau:

* Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.

Thực hiện chức năng này, nhà nước thông qua các công cụ: ngân sách, tín dụng, ngân hàng, dự trữ quốc gia, khu vực kinh tế nhà nước; luật pháp kinh tế; các chính sách kinh tế, đòn bẩy kích thích; kế hoạch với tư cách là công cụ đảm bảo nền kinh tế phát triển theo mục tiêu cân đối kinh tế vĩ mô… thông qua đó nhà nước tác động vào tổng cung tổng cầu của nền kinh tế, tạo môi trường kinh tế (sức mua đồng tiền và giá cả) ổn định và hành lang cần thiết cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của từng xí nghiệp và trên phạm vi toàn xã hội trong từng thời kỳ.

* Chức năng “chủ sở hữu tài sản công của nhà nước”.

Với tư cách là người chủ sở hữu toàn dân mà nhà nước là đại biểu, nhà nước có đủ tư cách quản lý các xí nghiệp thuộc khu vực kinh tế quốc doanh. Song nhà nước chỉ là người sở hữu đại biểu, chứ không phải là người sở hữu thực (chiếm hữu và sử dụng các điều kiện của sản xuất trong quá trình sản xuất, làm cho sở hữu được thực hiện về mặt kinh tế. Người chủ sở hữu thực phải là giám đốc các xí nghiệp (người đại diện cho công nhân viên chức của xí nghiệp). Sự phân biệt như vậy có tác dụng làm trong các xí nghiệp nhà nước, mọi tài sản đều có chủ và góp phần phát huy quyền tự chủ về các mặt của xí nghiệp trên cơ sở xác định đúng chức năng quản lý kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Cần chú ý rằng: Đối với khu vực kinh tế nhà nước với tư cách là người sở hữu đại biểu, nhà nước có quyền quản lý nhưng không quản lý trực tiếp (quyền quản lý sản xuất kinh doanh trực tiếp là của xí nghiệp) mà chỉ quản lý gián tiếp qua các khía cạnh sau:

* Quyết định thành lập hay giải thể xí nghiệp.
* Quyết định phương hướng kinh doanh chính của doanh nghiệp và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước.
* Bổ nhiệm hay miễn nhiệm giám đốc và các chức danh khác ở xí nghiệp.
* Ban hành các chính sách cần thiết có tính pháp lệnh đối với doanh nghiệp.
* Kiểm tra việc thực hiện các chính sách đó tại doanh nghiệp.

Hai chức năng trên có quan hệ mật thiết với nhau bắt nguồn từ vai trò kinh tế của nhà nước và đòi hỏi phải thực thi có hiệu quả. Muốn vậy phải tăng cường vai trò kinh tế của nhà nước bằng các phương hướng sau:

* Phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản trong quản lý kinh tế của nhà nước: kết hợp giữa kinh tế với chính trị; nguyên tắc tập trung dân chủ; nguyên tắc hiệu quả kinh tế xã hội…
* Phải xử lý đúng đắn mối quan hệ và sự khác nhau giữa chức năng quản lý kinh tế vĩ mô của nhà nước với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.
* Nâng cao năng lực và phẩm chất của bộ máy và các thành viên trong bộ máy nhà nước ngang tầm với nhiệm vụ mới, nhất là nhiệm vụ quản lý kinh tế. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

**2.2. Vai trò của Nhà nước trong nền KTTT định hướng XHCN – thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay**

**2.2.1. Vai trò của Nhà nước trong nền KTTT định hướng XHCN**

Từ những lý thuyết kinh tế chính trên thế giới và các mô hình thực tiễn về vai trò của nhà  nước trong kinh tế thị trường ở một số quốc gia, có thể kiểm nghiệm lại việc giải quyết mối quan hệ giữa nhà nước với thị trường ở Việt Nam thời gian qua. Trải qua hơn 20 năm đổi mới, Việt Nam đã có những thành công bước đầu trong việc hình thành và hoàn thiện cơ chế thị trường, cũng như điều chỉnh vai trò tương ứng của nhà nước trong nền kinh tế. Trước hết, đó là sự thay đổi cơ bản quan niệm về chức năng của nhà nước trong nền kinh tế. Nếu Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII chỉ dừng lại ở mức độ xác định nhiệm vụ: “Bộ máy nhà nước từng bước chuyển sang chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh…” thì đến Đại hội VIII, quan điểm này được cụ thể hóa hơn: “Nhà nước định hướng phát triển, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực, thiết lập khuôn khổ pháp luật, xây dựng chính sách nhất quán, phân phối lại thu nhập, hạn chế tiêu cực của cơ chế thị trường.” Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX đã xác định rõ định hướng đổi mới chính sách căn bản là:

“Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế. Đổi mới hơn nữa công tác kế hoạch hóa, nâng cao công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội.” Nhà nước cũng đã bước đầu phát huy vai trò của mình trong việc sửa chữa những “khiếm khuyết của thị trường” thông qua các chính sách bảo trợ xã hội, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tuy nhiên, những chuyển biến tích cực trong việc xác định lại vai trò kinh tế của nhà nước thời gian qua vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thời kỳ phát triển mới. Nhiều thách thức mới nảy sinh như: chưa có sự phân định rõ vai trò “nhà nước là chủ thể quản lý kinh tế” và vai trò “nhà nước là một nhà đầu tư phát triển;” phương thức quản lý nhà nước về kinh tế còn nặng về can thiệp hành chính, còn mang tính ngắn hạn và bị động; nhà nước còn can thiệp quá sâu vào quá trình vận hành của kinh tế thị trường; năng lực bộ máy quản lý nhà nước còn hạn chế. Những thách thức trên cho thấy, việc xác định vai trò kinh tế của nhà nước là một quá trình khó khăn, phức tạp. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Nền kinh tế mới của thế giới đang định hình, đòi hỏi tư duy thích ứng về bàn tay quản lý của nhà nước trong khi thực hiện các nguyên tắc kinh tế thị trường, tránh các cực đoan, phiến diện trong nhận thức, tăng cường sự phối hợp đồng bộ các công cụ và cấp độ quản lý, giám sát chặt chẽ và chủ động xử trí kịp thời các tác động mặt trái của kinh tế thị trường. Do vậy, sự linh hoạt của nhà nước trong điều hành kinh tế, việc vận dụng “hai bàn tay” – cả vô hình lẫn hữu hình mới là yếu tố quan trọng thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.

Việc xác định rõ hơn vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam trong thời gian tới là cần thiết và cần chú ý một số điểm cơ bản sau đây:

Một là, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam phải thực hiện vai trò quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế, nghĩa là thực hiện tổng thể các tác động có tổ chức bằng quyền lực của nhà nước đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân và các bộ phận cấu thành của nó, thông qua các công cụ kinh tế, pháp luật, hành chính. Để thực hiện tốt chức năng này, nhà nước cần tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, tạo dựng một khuôn khổ thể chế và pháp lý hữu hiệu, đủ sức hỗ trợ sự phát triển mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là khu vực tư nhân và đẩy mạnh cạnh tranh. Bên cạnh đó, cần từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế. Đây cũng là một hướng quan trọng nhằm tạo dựng kết cấu hạ tầng thể chế kinh tế toàn diện, bao gồm: cải cách tổ chức bộ máy hành chính, thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức quản lý nhà nước. Đồng thời, phải coi kế hoạch hóa là công cụ quan trọng để nhà nước thực hiện chức năng quản lý kinh tế. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Hai là, coi trọng đúng mức chức năng “làm kinh tế” của nhà nước. Mặc dù trong thời gian gần đây, nhà nước đã giảm mạnh sự can thiệp của mình vào lĩnh vực sản xuất và phân phối hàng hóa, dịch vụ song trên thực tế, sự tham gia của nhà nước vào kinh tế vẫn không chỉ dừng ở những lĩnh vực mà thị trường tỏ ra kém hiệu quả. Thực tế phát triển kinh tế của Việt Nam cho thấy vẫn cần có sự hiện diện của nhà nước trong nền kinh tế để phát huy mọi nguồn lực cho phát triển, để sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên, vốn, tài sản thuộc sở hữu nhà nước.

Ba là, thực hiện tốt chức năng của “nhà nước phúc lợi.” Với nhiệm vụ xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN, bên cạnh việc chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường, Việt Nam còn phải thực hiện mục tiêu định hướng XHCN và phát triển bền vững. Điều đó có nghĩa là, bên cạnh mục tiêu hiệu quả kinh tế (tốc độ tăng trưởng, GDP/người), các chỉ tiêu khác về mặt xã hội (phát triển văn hóa xã hội, giáo dục, y tế, việc làm, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo môi trường, môi sinh…) cũng cần được chú trọng kết hợp. Mục đích của sự kết hợp này là vừa đảm bảo để các chủ thể thị trường đạt được mục tiêu lợi nhuận cao, vừa tạo ra môi trường chính trị, xã hội ổn định hài hòa, làm nền tảng cho phát triển bền vững kinh tế.

Như vậy, nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam cùng một lúc phải thực hiện nhiều vai trò khác nhau. Bên cạnh vai trò xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo dựng và cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô, môi trường kinh doanh, can thiệp vào nền kinh tế với mục tiêu sửa chữa những khuyết tật của thị trường, nhà nước còn phải thực hiện cả chức năng phát triển kinh doanh và bảo đảm xã hội cho người dân. Đây là những nhiệm vụ không dễ dàng, đòi hỏi nỗ lực cao từ phía nhà nước, người dân và các tác nhân khác trong nền kinh tế. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Trên cơ sở quan niệm lý thuyết về vai trò của nhà nước đối với kinh tế thị trường trong lịch sử học thuyết kinh tế và những mô hình thực tiễn về nhà nước trong nền kinh tế ở một số quốc gia, có thể thấy tương quan chức năng, vai trò của nhà nước và thị trường không phải là phạm trù bất biến mà luôn biến động.Việc nhà nước, thị trường, doanh nghiệp cần đảm nhiệm vai trò nào trong quá trình vận hành nền kinh tế phụ thuộc rất nhiều vào trình độ phát triển của chính nền kinh tế đó. Mối tương quan “động” này về chức năng chính là yếu tố làm cho mối quan hệ nhà nước và thị trường luôn là vấn đề được bàn luận sôi nổi trong lý thuyết và thực tiễn phát triển kinh tế thị trường.

**2.2.2. Thực trạng nền KTTT và sự quản lý của Nhà nước ở nước ta hiện nay**

**2.2.2.1. Thực trạng nền KTTT ở Việt Nam hiện nay**

Từ những năm đổi mới trở lại đây nền KTTT nước ta đang từng bước chuyển từ nền kinh tế tập trung sang cơ chế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Cơ chế này thực sự đã phát huy được vai trò tự điều tiết của thị trường bước đầu hình thành thị trường cạnh tranh làm cho hàng hoá được lưu thông, giá cả ổn định nền kinh tế thoát khỏi tình trạng khủng thiếu.

Nền kinh tế một thành phần kinh tế trước kia đang chuyển sang nền kinh tế 5 thành phần với các hình thức sở hữu khác nhau nhưng sự hoạt động này chưa đồng đều và chưa có đủ điều kiện để phát triển.

Cơ chế tài chính, tiền tệ, tín dụng, giá cả, tỷ giá từng bước được hình thành và đổi mới. Tuy nhiên cơ chế thị trường ở nước ta hiện nay còn thiếu đồng bộ mang tính tự phát. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nhỏ, sự quản lý tỏ ra yếu kém và không có hiệu quả. Sự hình thành và vận động của KTTT mang những yếu tố tự phát, cơ chế vận hành thô sơ tạo điều kiện cho kiểu làm ăn bất chính, tệ tham nhũng và các mặt tiêu cực của thị trường có cơ hội phát sinh và phát triển.

Mặc dù nền kinh tế thị trường nước ta còn rất nhiều thiếu sót và yếu kém nhất là trong điều hành vĩ mô “Nạn tham nhũng phổ biến trong bộ máy quản lý nhà nước các cấp nhưng nhìn chung tính ổn định của nền kinh tế là nhân tố đảm bảo cho những thành công kế tiếp.

Tuy vậy Đảng và Nhà nước ta cần phải nâng cao vai trò của mình hơn nữa trong nền KTTT cần phải chuyển từ tác phong chỉ huy mệnh lệnh sang tác phong hỗ trợ tạo   môi trường và điều kiện cho thị trường phát triển, xử lý hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với cân bằng ổn định, giữa phát triển kinh tế với việc thể hiện các chính sách xã hội.

**2.2.2.2. Thực trạng quản lý kinh tế của Nhà nước ở Việt Nam hiện nay**

Khác với một số nước trên thế giới, chúng ta tiến lên CNXH từ một nước nông nghiệp nghèo nàn và lạc hậu mà bỏ qua giai đoạn phát triển lên chủ nghĩa tư bản. Bởi vậy chúng ta gặp rất nhiều khó khăn trong việc xây dựng và phát triển nền kinh tế đó là do chúng ta chưa chuẩn bị được cơ sở vật chất kỹ thuật để tiến lên CNXH. Mặt khác nền kinh tế của nước ta trước đây dập khuôn theo mô hình kinh tế của Liên Xô với chế độ xã hội công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể trong đó sở hữu toàn dân đóng vai trò chủ đạo. Xuất phát từ quan niệm nền kinh tế XHCN là nền kinh tế phát triển có kế hoạch, quy luật phát triển có kế hoạch là quy luật điều tiết mọi hoạt động của nền kinh tế nên nhà nước ta lấy kế hoạch hoá làm công cụ chủ yếu để quản lý kinh tế. Việc lãnh đạo phát triển kinh tế quốc dân có kế hoạch là một vấn đề cơ bản nhất trong nhiệm vụ quản lý kinh tế của Nhà nước XHCN. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Công cụ đổi mới nền kinh tế của nước ta bắt đầu từ Đại hội VI của Đảng. Đó là điểm mốc cho sự phát triển nền kinh tế của đất nước. Từ đại hội 6 nhà nước ta mới thấy rõ lợi ích của việc chuyển đổi nền kinh tế và đó là thời điểm Đảng ta xác định phải chuyển dần nền kinh tế tự nhiên tự cung tự cấp, nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp đang tồn tại sang nền kinh tế thị trường phát triển theo cơ chế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước. Trong hơn 10 năm đổi mới đất nước ta đã phải đối phó với rất nhiều khó khăn nhưng nhờ sự lãnh đạo, sự quản lý chặt chẽ của Đảng và đặc biệt là vai trò tham gia điều tiết nền kinh tế của Nhà nước, sự định hướng theo kế hoạch và quản lý vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước theo hướng có lợi nhất nên chỉ trong một thời gian ngắn nền kinh tế nước ta đã có những thay đổi đáng kể sau:

– Nền kinh tế nước ta từ chỗ mang nặng tính chất tự cung tự cấp đã từng bước chuyển sang nền kinh tế sản xuất hàng hoá. Các loại mặt hàng sản phẩm hàng hoá ngày càng đa dạng phong phú đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng. Trước khi đổi mới nền kinh tế nước ta ở trong trạng thái khan hiếm hàng hoá và chủ yếu là nhập khẩu nhân viên trợ từ nước ngoài thì ngày nay theo cơ chế thị trường sở hàng hoá không những đa dạng mà một số hàng hoá còn có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

– Các hình thức sở hữu mở rộng tạo điều kiện giải phóng mọi tiềm năng, phát triển lực lượng sản xuất, mở rộng phân công lao động xã hội nâng cao hiệu quả kinh tế. Mở rộng quy mô sản xuất, đã thu hút được lao động ổn định sự phát triển kinh tế.

– Nền kinh tế từ trong trạng thái khép kín đã dẫn mở cửa thị trường trong nước giai lưu hợp tác vơí các nước trên thế giới tạo nên thị trường thông suốt và chặt chẽ với nền kinh tế các nước trên thế giới và trong khu vực. Chính nhờ chính sách kinh tế đối ngoại cởi mở bảo đảm môi trường chính trị xã hội ổn định đảm bảo cho môi trường phát triển kinh tế đầu tư nước ngoài cho nên trong những năm qua, nước ta đã thu hút rất nhiều nguồn vốn đầu tư từ các nước như Mỹ, Trung Quốc, Nhật, Pháp… Hiện nay tính trên toàn quốc gia có tới hơn 3 vạn doanh nghiệp ngoài quốc doanh và liên doanh với nước ngoài.

– Hệ thống giá cả đã được tự do hoá theo cơ chế thị trường. Việt độc quyền giá cả, giá cả do uỷ ban đặt giá xoá bỏ đang dần dần xoá bỏ. Nhờ việc tự do hoá giá cả mà các yếu tố cạnh tranh được pháp huy và thúc đẩy làm cho nền kinh tế phát triển nhanh chóng.

– Vai trò quản lý kinh tế vĩ mô nền kinh tế đang dần được khẳng định. Việc quản lý kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính được thay thế dần bằng việc sử dụng các công cụ tài chính tiền tệ….. Cơ chế quản lý kinh tế hách dịch cửa quyền được xoá bỏ phù hợp với xu hướng vận động của cơ chế thị trường.

– Các loại hình dịch vụ gắn liền với lưu thông hàng hoá phát triển mạnh thúc đẩy kinh doanh đã giải quyết số lượng lớn việc làm. Dịch vụ phát triển nhanh chóng đã đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng nền kinh tế.

– Hệ thống các doanh nghiệp nhà nước đã có sự chuyển đổi về tổ chức và phương thức hoạt động kinh doanh và ngày càng mở rộng sản. Các doanh nghiệp này đang từng bước thích ứng với cơ chế mới đang giữ tỷ trọng tuyệt đối về nhập khẩu đóng góp ngày càng nhiều cho nhà nước. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

– Nhiều cán bộ quản lý và kinh doanh qua cơ chế mới của nền kinh tế thị trường đã được sàng lọc và đào tạo lại, đào tạo mới đã khẳng định được phẩm chất năng lực và dần được nâng cao trình độ trong việc giao lưu hợp tác với nước ngoài.

– Sự phát triển tăng trưởng kinh tế góp phần bảo đảm các nhu cầu về vật tư hàng hoá cho nền kinh tế quốc dân, quốc phòng và đời sống nhân dân. Nhờ có sự chuyển đổi nền kinh tế tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế, đời sống nhân dân từ đó cũng được nâng lên một bước đáng kể. Đạt được những thành tựu bước đầu này là do có đường lối và chính sách đổi mới đúng đắn kịp thời của Đảng và nhà nước.

– Sự cải tiến về mối quan hệ giữa Đảng và nhà nước. Thể hiện vai trò của Đảng và nhà nước là thống nhất, các chính sách của Đảng phù hợp với chính sách của Nhà nước. Đồng thời thể hiện bản chất của Đảng chính sách Việt Nam và nhà nước Việt Nam là vì lợi ích của nhân dân của người lao động.

– Do sự nỗ lực phấn đấu của các ngành các cấp và do mối quan hệ của nhà nước và doanh nghiệp ngày càng gần gũi hơn. Nhà nước đã ban hành các chính sách kinh tế phù hợp tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn. Các chính sách của nhà nước đã được nới lỏng không khắt khe rườm rà từ trên xuống dưới như trước đã tạo cho các doanh nghiệp hoạt động tự do hơn.

– Do nhà nước đã thực sự có những chính sách kinh tế thiết thực nhằm thu hút và phát huy mọi tiềm năng sẵn có trong nước.

– Do sự hoạt động nhạy bén vơí thị trường của các doanh nghiệp sản xuất. Họ đã thích ứng rất nhanh trong các điều kiện của cơ chế thị trường. Nhưng tựu chung lại là do chính sách đổi mới kinh tế, đổi mới tư duy của đảng và nhà nước, do sự quản lý có hệ thống điều tiết vĩ mô nền kinh tế của nhà nước thì nền kinh tế mới có sự chuyển biến tích cực.Tuy nhiên bên cạnh những thay đổi và kết quả trên, cũng như thị trường có ưu điểm và khuyết tật thì nền kinh tế tuy có những thành tựu đáng kể song nó vẫn tồn tại nhiều hạn chế. Công cuộc đổi mới hơn 10 năm qua đã đem lại bộ mặt mới cho nền kinh tế Việt Nam. Tuy đã có sự thay đổi căn bản nhưng nền kinh tế thị trường ở nước ta mới chỉ là sơ khai chưa đầy đủ. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

– Sản xuất hàng hoá trong các lĩnh vực còn ở trình độ thấp, công nghệ sản xuất còn lạc hậu chưa thực sự tuân theo một chu trình hiện đại nào chính vì vậy sản phẩm sản xuất ra còn kém cả về chất lượng và mẫu mã. Điều này là nguyên nhân chủ yếu đưa sản phẩm của ta dẫn tới tình trạng kém cạnh tranh ngay cả ở trong nước.

– Hệ thống máy móc trang thiết bị lạc hậu không sánh kịp với máy móc tiên tiến hiện đại của nước ngoài là đã dẫn đến năng suất lao động còn thấp. Đó là do việc chuyển giao công nghệ ở nước ta còn quá kém không đủ trình độ chuyên môn nên trong quá trình chuyển giao với nước bạn ta nhập thiết bị máy móc đã qua sử dụng quá lâu hoặc là nhận viện trợ không hoàn lại. Chính vì vậy làm cho máy móc thiết bị của ta một là lạc hậu lỗi thời, thứ hai là kém năng suất

– Hệ thống các xí nghiệp và công ty ở nước ta chưa có sự cân đối giữa các ngành nghề giữa các vùng vì vậy không khai thác triệt để các nguồn tài nguyên và không tận dụng hết nguồn lực lao động ở các địa phương có nơi thừa lao động thất nghiệp trầm trọng nhưng có nơi cần lao động lại không có.

– Thị trường hàng hoá và số lượng doanh nghiệp bung ra kinh doanh phát triển với tốc độ cao nhưng mang nặng tính tự phát. Nền thương nghiệp về cơ bản vẫn là nền thương nghiệp nhỏ tổ chức phân tán manh mún dẫn tới việc ép giá đầu vào nâng giá đầu ra ở thị trường trong nước và bị chèn ép giá trên thị trường nước ngoài.

– Mặc dù giá cả đã được tự do hoá nhưng vẫn còn độc quyền. Đó là ở các ngành điện nước, bưu chính… làm cho giá cả từ đó mà lên tuy rằng cùng có sự điều chỉnh của nhà nước.

– Nhiều điều kiện cần thiết cho sự ra đời của sản xuất hàng hoá như thị trường đất đai thị trường sức lao động, thị trường tiền tệ chưa được thiết lập một cách công khai hoàn chỉnh. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

– Các hoạt động dịch vụ đã phát triển mạnh mẽ nhưng chỉ mới tập trung voà một số ngành như ăn uống buôn bán nhỏ, các hàng công nghiệp tiêu dùng. Các ngành như du lịch bảo hiểm cung ứng kỹ thuật và công nghệ chưa tương xứng, chất lượng hàng hoá dịch vụ nhìn chung còn thấp.

– Mặc dù nước ta đã mở cửa và đã thu hút được nguồn đầu tư từ nước ngoài nhưng trên thực tế nguồn vốn mà nước ngoài đầu tư vào nước ta chỉ dừng lại ở nhỏ và vừa chưa có những dự án đầu tư lớn.

– Số doanh nghiệp nhà nước còn quá lớn vượt quá khỏi khả năng quản lý của bộ máy nhà nước, quy mô doanh nghiệp nhỏ phân tán , phân bổ không hợp lý cả theo ngành và lãnh thổ. Trong một số lĩnh vực doanh nghiệp nhà nước còn giữ vị trí độc quyền nhưng chưa có quy chế kiểm soát độc quyền thích hợp. Trong thiết bị và cơ sở hạ tầng của thành phần kinh tế chủ đạo này còn rất kém, chỉ có 18% doanh nghiệp được xây dựng từ năm 1986 và chỉ có 15% sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu. Mặc dù doanh nghiệp nhà nước đang nắm giữ và sử dụng một số đất đai nguồn tài nguyên rất lớn đóng góp vào ngân sách là chủ yếu nhưng chưa nhiều, hiệu quả thấp, thiếu vốn nghiêm trọng .

– Trong tổ chức của các doanh nghiệp nhà nước tuy đã được sắp xếp lại nhưng hệ thống hiện nay vẫn chưa phù hợp với cơ chế quản lý của nền kinh tế thị trường còn có quá nhiều người tham gia vào quản lý và hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước.

– Cơ chế quản lý của nhà nước đối với các doanh nghiệp tuy đã có nới lỏng nhưng vẫn còn tồn tại nhiều mặt gò bó phi lý. Việc quản lý còn lỏng lẻo sơ hở đặc biệt là quản lý tài chính doanh nghiệp. Việc kiểm toán thống kê không được đầy đủ là nguyên nhân do tham nhũng gia tăng . (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

– Quản lý của nhà nước về xuất nhập khẩu và điều hành thị trường còn nhiều khuyết điểm chưa kịp thời đã gây ra tình trạng mất cân đối giữa cung và cầu. Nhà nước chưa thực hiện đúng chức năng để giải quyết quan hệ giữa bảo hộ sản xuất trong nước và bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

– Trong nền kinh tế thị trường công cụ để nhà nước sử dụng để quản lý kinh tế là hệ thống pháp luật. Hệ thống pháp luật của Nhà nước càng chặt chẽ đồng bộ thì việc quản lý càng thuận lợi nhưng trên thực tế hệ thống luật pháp của ta còn nhiều thiếu sót sơ hở. Nền kinh tế nước ta đã chuyển sang nền kinh tế sản xuất hàng hoá song những luật lao động, luật doanh nghiệp, luật cạnh tranh chưa đầy đủ vì vậy nhà nước vẫn không thể quản lý chặt chẽ ở tầm vĩ mô và là cơ sở cho các hoạt động sản xuất kinh doanh phi pháp gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế quốc dân.

– Mặc dù nước ta đang xoá dần tệ quan liêu bao cấp cửa quyền nhưng một số cán bộ quản lý của ta chưa làm đúng chức năng hoặc là do trình độ chuyên môn, trình độ quản lý của họ quá yếu kém mà không bị sa thải hay đào thải lại.

– Thủ tục hành chính của ta tuy đã được tổ chức lại song vẫn rườm ra kồng kềnh là nguyên nhân cho việc hạn chế đầu tư của nước ngoài vào sản xuất tại Việt Nam.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là do nhiều khó khăn và mất cân đối lớn trong nền kinh tế, tính phức tạp của quá trình chuyển đổi và sự bất cập trong việc xây dựng và hoàn thiện thể chế nhà nước nhưng về mặt chủ quan là do:

* Do nhà nước chưa kịp thời ban hành chỉ thị hướng dẫn để phát triển và định hướng nền kinh tế trong cơ chế mới.
* Do nhận thức về cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN trong giai đoạn đầu chuyển đổi còn nhiều lúng túng dẫn đến nhiều sai lệch.
* Chưa xử lý đúng mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường giữa chức năng quản lý của nhà nước và quyền tự chủ của doanh nghiệp
* Bộ máy quản lý nhà nước về doanh nghiệp từ trung ương đến địa phương chưa kiện toàn kịp thời và đủ mạnh so với yêu cầu và chức năng quản lý của nhà nước. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

**Các công cụ quản lý của Nhà nước trong nền KTTT ở Việt Nam hiện nay**

Để thể hiện một cách triệt để các chức năng của Nhà nước thì đòi hỏi Nhà nước phải có hệ thống công cụ quản lý kinh tế. Hệ thống công cụ đó bao gồm hệ thống luật pháp, các chính sách kinh tế (chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, chính sách tài khoá, chính sách tín dụng…) và các kế hoạch nhằm thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển có hiệu quả.

**Hệ thống luật pháp**

Nhà nước sử dụng và ban hành hệ thống pháp luật đặc biệt là luật kinh tế nhằm tạo ra hành lang pháp lý an toàn cho sản xuất kinh doanh, duy trì được kỷ cương trật tư về kinh tế và xã hội, hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo quy định của luật pháp. Pháp luật là công cụ cưỡng chế hành vi của doanh nghiệp nếu như hoạt động sản xuất kinh doanh cuả họ làm tổn hại đến lợi ích chung của toàn xã hội.

Pháp luật là công cụ tạo ra môi trường tự do kinh doanh tự do cạnh tranh lành mạnh cho các doanh nghiệp bởi vì nhờ có pháp luật mà các doanh nghiệp biết mình phải làm những gì và những gì mình được làm. Trên cơ sở những điều pháp luật cho phép thì được pháp luật bảo hộ quyền tự do, bảo vệ lợi ích và ngoài những điều luật pháp nghiêm cấm thì các doanh nghiệp có quyền được làm tất cả những gì mà khả năng của họ cho phép. Ngược lại nêú vượt quá giới hạn thì sẽ bị pháp luật cưỡng chế. Chính vì vậy mà pháp luật Nhà nước rất có hiệu lực. Đó là công cụ đắc lực để Nhà nước can thiệp vào nền kinh tế một cách gián tiếp, điều khiển các hoạt động của các doanh nghiệp đi đúng hướng đúng pháp luật. Như vậy Nhà nước dùng pháp luật để tác động tích cực đến đời sống kinh tế, chi phối mạnh mẽ các quan hệ kinh tế. Thực tiễn quá trình phát triển lịch sử đã cho thấy không ít trường hợp pháp luật đóng vai trò là người dẫn đường cho các quá trình kinh tế, khai phá những lộ trình mới cho kinh tế phát triển, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội. Tuy nhiên cũng không ít trường hợp do sự khắt khe chặt chẽ của pháp luật hay do sự pháp luật lạc hậu chậm đổi mới mà pháp luật trở thành lực cản kìm hãm sự phát triển của kinh tế. Thực ra pháp luật không đóng vai trò quyết định tới sự tăng trưởng và phát triển nền kinh tế và ngược lại sự tăng trưởng kinh tế hoàn toàn không phụ thuộc vào bản thân luật pháp mà cái chính là phụ thuộc vào khả năng của Nhà nước trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thể hiện pháp luật ở từng mô hình kinh tế cụ thể. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Về phương diện lý luận, pháp luật là yếu tố quan trọng của kiến trúc thượng tầng, có vai trò chính trị chi phối mạnh mẽ chính sách xã hội. Trước kia, nền kinh tế nước ta là tập trung quan liêu bao cấp hệ thống pháp luật đưa ra như là mệnh lệnh vì vậy vai trò của pháp luật đối với kinh tế là rất mờ nhạt. Đến nay khi chuyển nền kinh tế sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước thì vai trò của pháp luật là rất to lớn và thực sự đã phát huy sức mạnh. Nó không chỉ điều chỉnh quan hệ xã hội nói chung mà đi sâu hơn pháp luật điều chỉnh quan hệ kinh tế nói riêng. Pháp luật đang đóng vai trò của phương pháp điều chỉnh chính yếu đối với các quá trình kinh tế. Nó mở đường cho các quan hệ kinh tế mới phát sinh, củng cố các quá trình đổi mới kinh tế đảm bảo cho các quá trình này diễn ra có trật tự có hệ thống không thể đảo ngược được. Đảng và Nhà nước ta hiện nay đã sử dụng pháp luật như là một công cụ không thể thay thế của quá trình CNH – HĐH trong nền KTTT mở, vừa đảm bảo hội nhập quốc tế vừa đảm bảo định hướng XHCN. Quyền tự do kinh doanh sự bình đẳng của các chủ thể kinh tế được ghi trong hiến pháp và trên thực tế quyền này hoạt động có hiệu quả khi các chủ thể kinh tế hoạt động trong môi trường pháp lý bình đẳng. Nhà nước sử dụng pháp luật đó kiểm soát quá trình vận động nền kinh tế từ quy luật giá trị, quy luật cung cầu và quy luật tự do cạnh tranh là đặc thù của KTTT. Bài học về khủng hoảng tài chính ở khu vực Đông Nam á bắt đầu từ Thái Lan sang Hàn Quốc, Inđonêsia… Đã chỉ rõ sự yếu kém của cơ chế kiểm soát đối với hoạt động tài chính tiền tệ. Vì vậy vai trò pháp luật trong việc quy định chế độ kiểm tra giám sát của các cơ quan Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh là cực kỳ quan trọng. Nó còn cho phép nền KTTT của nước ta hoà nhập với nền kinh tế khu vực và quốc tế một cách an toàn và có hiệu quả. Mặt khác Nhà nước còn sử dụng công cụ luật pháp trong phân phối. Làm theo năng lực hưởng theo lao động vốn là nguyên tắc của CNXH do vậy pháp luật tạo ra sự bình đẳng cho mọi cá nhân tạo điều kiện cho các cá nhân được hưởng đúng với đóng góp của mình trong quá trình sản xuất kinh doanh. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

**Các chính sách kinh tế**

Hệ thống các chính sách kinh tế giúp cho Nhà nước có thể điều khiển hoạt động của các doanh nghiệp. Mỗi chính sách kinh tế là một hành lang hướng dẫn hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất phát triển, hướng dẫn các doanh nghiệp hành động một cách phù hợp đối với lợi ích của toàn xã hội. Mỗi chính sách kinh tế đều có thể tác động về cả hai phía cung và cầu.

Chính sách tài chính: trong cơ chế thị trường việc phân phối tài chính được thể hiện trên thị trường theo các quy luật của thị trường, thậm chí còn tồn tại thị trường tài chính mà ở đó diễn ra hoạt động trao đổi mua bán đáp ứng quan hệ cung-cầu về nguồn lực tài chính. Hoạt động tài chính càng trở nên phong phú đa dạng, tác động tới mọi mặt của đời sống xã hội. Nhà nước sử dụng chính sách tài chính như là một bộ phận quan trọng của chính sách kinh tế. Chính sách tài chính là một trong những công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước, có vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của Đảng.

Nhà nước sử dụng chính sách tài chính nhằm thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là một định hướng cơ bản để xác định nền tài chính quốc gia lành mạnh vững chắc. Kinh nghiệm thực tiễn chứng tỏ một nền kinh tế kém phát triển tất yếu sẽ kéo theo một nền tài chính ốm yếu ngân sách thâm hụt. Sự cân bằng ngân sách Nhà nước chủ yếu dựa vào tăng trưởng kinh tế vì vậy để nguồn tài chính không bị thâm hụt thì Nhà nước phải tăng cường quản lý bằng pháp luật, kế hoạch và chính sách. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Chính sách tài chính có tác dụng đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước: để tiến hành công nghiệp hóa- hiện đại hóa thì đòi hỏi phải có đầu tư. Muốn vậy phải có một nền tài chính thặng dư mới giải quyết được nhu cầu vốn. Để tăng mức vốn phải giải quyết mối quan hệ giữa tích luỹ và tiêu dùng theo hướng tiết kiệm. Điều này cũng giải quyết phần nào yêu cầu KTTT.

Chính sách tài chính góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô: Để ổn định kinh tế, đòi hỏi phải có một ngân sách Nhà nước lành mạnh mà các khoản chi được trang trải từ thuế. Vì vậy Nhà nước đã sử dụng công cụ tài chính để kích thích sản xuất hàng hoá phát triển đồng thời kết hợp với các công cụ quản lý vĩ mô khác để kiểm soát và đẩy lùi lạm phát tạo môi trường thuân lợi cho nền kinh tế phát triển trong trạng thái ổn định với hiệu quả cao.

Chính sách tiền tệ: chính sách tiền tệ là một trong những chính sách lớn của Nhà nước, là công cụ sắc bén để quản lý nền kinh tế thị trường, vai trò quan trọng của chính sách tiền tệ được thể hiện.

Nhà nước sử dụng chính sách tiền tệ để điều tiết khối lượng tiền tệ trong lưu thông cho phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội. Ngân hàng Nhà nước có thể áp dụng nhiều biện pháp để cho khối lượng tiền tệ tăng lên hoặc giảm xuống nhằm duy trì mối quan hệ cân đối số hàng hoá với lượng tiền. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Nhà nước sử dụng chính sách tiền tệ kết hợp chính sách tài chính thể hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tức là đẩy lùi lạm phát kìm chế lạm phát, ổn định tỷ giá hối đoái giá trị tiền trong nước tạo môi trường ổn định cho tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao về bền vững. Thông qua sự phối hợp hoạt động giữa ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại để thu hút nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội để đưa vào sản xuất kinh doanh tạo ra việc làm, giảm tỷ lệ người thất nghiệp.

Nhà nước sử dụng chính sách tài chính tiền tệ để điều tiết các hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế góp phần chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ sang cơ cấu”công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ”.Nhà nước phát triển thị trường tiền tệ ở nông thôn đáp ứng nhu cầu phát triển của nông dân đưa nông nghiệp thành ngành sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường thể hiện chương trình xoá đói giảm nghèo của Đảng và Nhà nước đồng thời thông qua chính sách phát triển nhằm nâng cao đời sống nhân dân ỏ nông thôn rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Thông qua hoạt động của thị trường tiền tệ cho vay với lãi suất ổn định nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo cơ chê thị trường nâng cao tính tự chủ về tài chính của doanh nghiệp để doanh nghiệp có điều kiện đổi mới thiết bị công nghệ nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thúc đẩy cạnh tranh lành mạnh.

Chính sách tín dụng, chính sách ngoại hối cũng là một trong những công cụ quản lý của nhà nước. Nhà nước sử dụng chính sách ngoại hối nhằm thể hiện các nghiệp vụ hối đoái, tổ chức và điều tiết thị trường hối đoái trong nước theo dõi diễn biến của cán cân thanh toán quốc tế… nhằm tìm kiếm nguồn tài trợ, nguồn vốn từ nước ngoài và thu hút kiều hối, ổn định tỷ giá hối đoái nhằm kìm chế lạm phát ổn định giá cả trong nước, tổ chức quản lý chặt chẽ nợ nước ngoài.

Về chính sách tín dụng, thông qua các ngân hàng trung ương, xuất phát từ nhu cầu của thị trường và các nhà doanh nghiệp vay vốn để đầu tư sản xuất. Nhà nước sử dụng chính sách tín dụng nhằm thể hiện mục tiêu của chính sách tiền tệ đồng thời tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đối với các tổ chức tín dụng. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Chính sách tài chính đối ngoại: Nhà nước sử dụng chính sách đối ngoại nhằm tiếp nhận viện trợ hoặc vay vốn từ nước ngoài, tiếp nhận vốn liên doanh, chuyển giao công nghệ giữa trong nước với nước ngoài. Sử dụng chính sách tài chính đối ngoại nhằm thực hiện các quan hệ quốc tế, các hoạt động kinh tế liên quan tới nhập khẩu và xuất khẩu. Nhà nước thông qua đó điều chỉnh sao cho hợp lý nhằm thúc đẩy nền kinh tế trong nước phát triển.

Chính sách lao động tiền lương: Nhà nước đã và đang từng bước đổi mới chế độ lao động tiền lương cho phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý Nhà nước mà đỉnh cao là việc Quốc hội Ban hành bộ luật lao động. Về lao động, Nhà nước đã ban hành Nghị quyết 120/HĐBT xây dựng việc làm quốc gia giải quyết cho hơn một triệu việc làm góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp. Nhà nước đang từng bước chuyển hình thức biên chế suốt đời sang làm việc theo hợp đồng nhằm giải phóng năng lực tạo nên sự chuyển dịch lao động giữa các thành phần kinh tế. Nhà nước cũng đang có những biện pháp nhằm cân đối lại lực lượng lao động giữa các ngành nghề giữa nông nghiệp – công nghiệp, giữa nông thôn và thành thị làm giảm bớt sự lãng phí lao động.

Về tiền lương, tiền lương là giá cả sức lao động được hình thành thông qua sự thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động. Nhà nước đã thay đổi kết cấu tiền lương đưa sự ưu đãi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế… Cùng với tiền lương. Đồng thời Nhà nước cũng có chính sách nâng cao tiền lương lực lượng lao động công tác ở nông thôn miền núi hải đảo. Chính nhờ có sự thay đổi đó trong tiền lương và lao động (giảm lao động từ 48 tiếng đến 40 tiếng trong một tuần) tạo cho người lao động hứng thú làm việc hơn qua đó gián tiếp nâng cao năng suất lao động làm cho thị trường sản phẩm hàng hoá phát triển nhanh chóng. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

**Các công cụ khác**

Ngoài những công cụ trên , Nhà nước còn điều khiển sự hoạt động của nền kinh tế bằng các chiến lược, các kế hoạch dài hạn can thiệp vào các hiện tượng các quan hệ kinh tế bằng công cụ lãi suât và chỉ tiêu kế hoạch vừa là công cụ, vừa là phương pháp quản lý điều khiển nền kinh tế. Kế hoạch hoá là công cụ thể hiện các mục tiêu lý tưởng của nền kinh tế, nhờ có kế hoạch mà chính phủ có thể phối hợp hoạt động của các doanh nghiệp, của các bộ, các ngành các địa phương kế hoạch hoá là công cụ duy nhất để chính phủ có thể chuyển tải nội dung đường lối chính sách kinh tế quản lý tập trung. Kế hoạch giúp cho không những chính phủ mà cả các nhà sản xuất kinh doanh nhìn nhận đúng hướng đi sao cho có lơị nhất bởi kế hoạch cũng như một dự án được đưa ra bàn luận phân tích trước khi đưa vào sử dụng.

Có thể nói, kế hoạch đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế. Kế hoạch có đúng có hiệu quả thì nền kinh tế thông qua đó mà có điều kiện để phát huy những mặt tích cực. Thực tế cho thấy các nước trên thế giới và cả Việt Nam ta khi bước vào xây dựng nền kinh tế đều đưa ra những kế hoạch nhằm định hướng cho các hoạt động kinh tế trong tương lai. Kế hoạch đó có thể là ngắn hạn trung hạn hay dài hạn, 5 năm, 10 năm 20 năm hoặc có thể dài hơn.

**Giải pháp nâng cao vai trò tích cực của Nhà nước trong nề KTTT ở Việt Nam hiện nay (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)**

Trong những năm gần đây, nền kinh tế thị truờng định hướng XHCN ở Việt Nam từng bước được hình thành. Qua đó, sự quản lý  của nhà nước về kinh tế đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, tất cả mới chỉ là bắt đầu, nhất là sự quản lý của nhà nước về kinh tế còn nhiều yếu kém, hiệu lực và hiệu quả còn thấp. Hệ thống luật pháp, chính sách chưa đồng bộ và chưa nhất quán, kỷ cương pháp luật chưa nghiêm. Công tác tài chính, ngân hàng, giá cả, kế hoạch, quy hoạch xây dựng, quản lý đất đai… còn nhiều yếu kém, sơ hở, thủ tục hành chính vẫn rườm rà, cải cách hành chính còn chậm và chưa kiên quyết. Do đó, việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường ở Việt Nam vẫn đang là một yêu cầu khách quan và cấp bách. Để đạt được yêu cầu này, cần thực hiện một số biện pháp sau đây.

**Hình thành đồng bộ cơ chế quản lý nền KTTT định hướng XHCN.**

Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố cấu thành thị trường chung bao gồm thị trường hàng hóa và dịch vụ, thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, thị trường bất động sản…

Nhà nước tạo môi trường quản lý thuận lợi bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển. Thông qua chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phù hợp nhằm sử dụng hiệu quả lực lượng vật chất của nhà nước để định hướng phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo chủ động cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết phân phối và thu nhập.

Tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhà nước theo qui định của pháp luật, kiên quyết đấu tranh chống tệ nạn buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại, tham nhũng… tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, hạn chế kiểm soát và độc quyền kinh doanh. Phân định rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, từ đó thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng sở hữu tài sản công của nhà nước. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

**Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế**

Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách để thúc đẩy hình thành nhanh và đồng bộ thể chế kinh tế thị trường; hoàn thiện hệ thống pháp luật về cạnh tranh, tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, pháp luật phải nhằm xác lập quyền làm chủ của người dân và trách nhiệm của nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm kỷ luật, kỷ cương. Đề cao trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường.

Trong thời gian qua,  nhà nước Việt Nam đã ban hành nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh để đáp ứng yêu cầu đổi mới kinh tế. Tuy nhiên, đến nay hệ thống pháp luật kinh tế của Việt Nam còn thiếu và chưa đồng bộ, thường phải sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh. Vì vậy, trước mắt phải tiếp tục khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh tế theo cương lĩnh, đường lối chủ trương của Đảng. Đồng thời sửa đổi, bổ sung các luật, pháp lệnh hiện hành và ban hành các luật mới phù hợp với thực tiễn vận động nhanh chóng của nền kinh tế quốc dân. Cần cải tiến công tác làm luật, tăng cường vai trò của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, các đại biểu quốc hội chuyên trách trong tiến trình xây dựng, đưa ra và phê chuẩn các dự án luật.

**Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế**

* Đổi mới và nâng cao chất lượng kế hoạch

Công bố kế hoạch hóa qua thời gian đổi mới đã có một số bước tiến bộ: chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch hóa định hướng dẫn hoạt động của các thành phần kinh tế. Cần tiếp tục đổi mới nâng cao kế hoạch, xác định những cân đối lớn, hướng dẫn hoạt động của các thành phần kinh tế lấy thị trường làm đối tượng chính và căn cứ quan trọng. Sử dụng chương trình mục tiêu, chính sách đầu tư tín dụng… để tạo điều kiện và hướng dẫn sự phát triển của các thành phần kinh tế, nâng cao trình độ dự báo kinh tế- xã hội trong công tác kế hoạch. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

* Đổi mới trong chi tiêu ngân sách

Lĩnh vực tài chính tiền tệ thời gian qua đã có một số bước đổi mới nhưng nhìn chung còn yếu kém, đáng chú ý là hiện tựợng thất thu thuế và bội chi ngân sách còn lớn. Nhà nước hầu như thả nổi phân phối thu nhập, các xí nghiệp quốc doanh. Ngân hàng chưa trở thành trung tâm thanh toán, tín dụng của xã hội. Vì thế cần đổi mới căn bản hệ thống tài chính tiền tệ, xây dựng chính sách tài chính quốc gia và thực hiện hệ thống cải cách tài chính theo hướng khai thác tiềm năng của các tầng lớp dân cư để phát triển kinh tế, nâng cao nguồn thu cho ngân sách, tạo điều kiện gây sức ép buộc các doanh nghiệp tìm tới biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh, thực hiện phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, thực hành tiết kiệm đảm bảo công bằng xã hội, góp phần hạn chế đẩy lùi lạm phát.

Đổi mới ngân sách là phải xây dựng một ngân sách  nhà nước lành mạnh, không bao cấp và ỷ lại vào viện trợ nước ngoài. Ngân sách nhà nước phải được hách toán theo nguyên tắc ngang giá, thu chi ngân sách phải hợp lý.

* Nâng cao năng lực của chính sách tiền tệ – tín dụng

Gấp rút tổ chức ngân hàng lành mạnh, có khả năng thực hiện tốt nghiệp vụ trong cơ chế thị trường. Ngân hàng Nhà nước làm đúng đắn chức năng quản lý đồng tiền của mình và giữ tính độc lập tương đối tốt trong phát hành tiền. Phát huy mạnh mẽ vai trò đòn bẩy và công cụ điều tiết vĩ mô của chính sách tiền tệ tín dụng. kiên trì thực hiện những nguyên tắc cơ bản của tín dụng ngân hàng, thúc đẩy nâng cao tính tự chủ tài chính của xí nghiệp để hiện đại hóa và hiệu quả hóa các xí nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

* Nâng cao vai trò kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể

Nâng cao vai trò kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể để có thể làm chủ được các lĩnh vực then chốt để từ đó điều chỉnh nền kinh tế qua hệ thống này thông qua tổng cung và tổng cầu.

* Thực hiện tốt chính sách kinh tế đối ngoại

Mở rộng hợp tác với các nước trên thế giới và trong khu vực, tạo môi trường quan hệ giao lưu, trao đổi về văn hóa, khoa học, thương mại để hòa nhập nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới.

**Đẩy mạnh cải cách hành chính**

Trong những năm qua, Việt Nam đã tiến hành cải cách hành chính tuy nhiên còn chậm, thiếu kiên quyết, hiệu quả thấp. Vì vậy trong những năm tới phải nổ lực hơn nữa nhằm nâng cao năng lực quản lý của nhà nước trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cắt giảm tối thiểu 30% các quy định hiện hành về thủ tục hành chính. Xây dựng bộ chuẩn quốc gia về thủ tục hành chính; tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc ban hành và thực hiện các thủ tục hành chính ở tất cả các cấp chính quyền. Đẩy mạnh thực hiện chính phủ điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Tiếp tục cải cách chế độ công vụ. Đổi mới việc đánh giá, tuyển chọn, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, công chức và chính sách đãi ngộ nhằm phát hiện, thu hút cán bộ có phẩm chất và năng lực, thí điểm thực hiện cơ chế thi tuyển một số chức danh quản lý. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và luân chuyển cán bộ, chuẩn bị tốt nhân sự cho Đại hội Đảng và xây dựng chính quyền các cấp. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)

Thực hiện kiên quyết và đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, tập trung vào các giải pháp phòng ngừa, tăng cường tính công khai, minh bạch, đề cao vai trò giám sát của nhân dân và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng chống tham nhũng. Nâng cao năng lực phát hiện và kiên quyết xử lý đúng pháp luật các hành vi tham nhũng; khẩn trương điều tra, xét xử những vụ việc gây bức xúc trong nhân dân. Bảo vệ người phát hiện hành vi tham nhũng, khen thưởng người có thành tích trong phòng, chống tham nhũng. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; xử lý kịp thời nghiêm minh các vụ việc vi phạm…

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một công việc mới mẻ, đầy khó khăn, phức tạp. Vì vậy trong quá trình này, Đảng cộng sản Việt Nam vừa làm vừa học, vừa tổng kết thực tiễn vừa tham khảo kinh nghiệm của các nước bạn, không ngừng đổi mới tư duy, nâng cao trình độ tổ chức thực tiễn, kiên quyết đưa ra sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam đi đến thành công.

**KẾT LUẬN (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)**

Cho đến nay vấn đề vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế vẫn còn nhiều tranh cãi giữa các học thuyết kinh tế. Tuy nhiên, không thể phủ nhận Nhà nước luôn là một tác nhân quan trọng trong nền kinh tế. Vai trò, mức độ can thiệp cũng như các biện pháp can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế trong mỗi thời kỳ luôn có sự khác nhau. Vì vậy, việc lựa chọn đường lối đúng đắn để xây dựng nền kinh tế phát triển vững chắc là một vấn đề hết sức quan trọng đặc biệt trong bối cảnh kinh tế hiện nay. Trong những năm đổi mới, Việt Nam đã áp dụng nền kinh tế nhiều thành phần có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và bước đầu đã cho thấy những bước tiến vững chắc trên con đường trở thành một nước công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Như vây, thông qua đề tài “ Vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường qua các học thuyết kinh tế” giúp chúng ta hiểu hơn về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Qua đó rút ra được bài học bổ ích cho hoạt động quản lý điều hành nền kinh tế của Nhà nước Việt Nam trong thực tế hiện nay.

Do kiến thức và thời gian nghiên cứu có hạn, mặc dù nhóm đã có rất nhiều cố gắng song bài viết không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, nhóm rất mong nhận được sự góp ý của thầy và những người quan tâm tới vấn đề này để bài tiểu luận thêm hoàn thiện và có tính thực tiễn hơn. (Tiểu Luận: Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường)